

TRẦN MẠNH HƯỜNG – LÊ PHƯƠNG NGÀ

Bài tập cuối tuần
Tiếng Việt 3

Tập một

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Viết tắt và kí hiệu

SGK : Sách giáo khoa *Tiếng Việt 3*, tập một

M : Mẫu

VD : Ví dụ

() : Câu hỏi, bài tập dành cho học sinh khá, giỏi.

Lời nói đầu

Bài tập cuối tuần Tiếng Việt 3 (hai tập) được biên soạn theo *Chuẩn kiến thức, kỹ năng và Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học* do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Sách giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức, kỹ năng cơ bản đã học ở từng tuần trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 3* nhằm đạt kết quả vững chắc về môn Tiếng Việt.

Sách gồm hai phần :

Phần một : BÀI TẬP CUỐI TUẦN

Phần này được soạn theo từng tuần học : *Tập một* (18 tuần – học kì I), *Tập hai* (17 tuần – học kì II).

Bài tập cuối mỗi tuần thường có hai nội dung :

I – Bài tập về đọc hiểu

Gồm một văn bản đọc phù hợp với học sinh lớp 3, có nội dung gắn với *chủ điểm* trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 3*, kèm 4 câu hỏi trắc nghiệm về *đọc hiểu* văn bản (trong đó có 1 câu dành cho học sinh khá, giỏi).

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

Gồm 4 bài tập :

– Bài tập *Chính tả* thường soạn cho cả 3 vùng phương ngữ (Bắc – Trung – Nam) dành cho học sinh luyện tập theo yêu cầu “tự nguyện” (có thể chọn một hay nhiều bài có hiện tượng chính tả thường mắc lỗi để rèn kỹ năng viết đúng).

– Bài tập *Luyện từ và câu* (2 bài) nhằm rèn kỹ năng mở rộng vốn từ và sử dụng từ ngữ tiếng Việt theo chương trình môn Tiếng Việt lớp 3.

– Bài tập về *Tập làm văn* gắn với yêu cầu đã học theo từng tuần trong sách giáo khoa *Tiếng Việt 3*.

Riêng các tuần **Ôn tập** (giữa học kì, cuối học kì), học sinh được luyện tập theo yêu cầu *Kiểm tra định kì* môn Tiếng Việt lớp 3 phù hợp với chỉ đạo chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung kiểm tra gồm 2 bài :

Phần một

BÀI TẬP CUỐI TUẦN

Tuần 1

I – Bài tập về đọc hiểu

Thử tài

Ngày xưa có một cậu bé rất thông minh. Nhà vua muốn thử tài, bèn cho gọi cậu đến, bảo : “Người hãy về lấy tro bếp bện cho ta một sợi dây thừng. Nếu làm được, ta sẽ thưởng”.

Cậu bé về nhà mẹ chặt cây tre, chẻ nhỏ rồi bện thành một sợi dây thừng. Bện xong, cậu cuộn tròn sợi dây, đặt lên chiếc mâm đồng, phơi cho khô rồi đốt thành tro. Khi lửa tắt, đám tro hiện rõ hình cuộn dây. Cậu đem dâng vua. Vua mừng lắm nhưng vẫn muốn thử tài lần nữa.

Lần này, vua sai quân đem chiếc sừng trâu cong như vòng thúng đưa cho cậu bé, bảo : “Người hãy nắn thẳng chiếc sừng này cho ta. Nếu được, ta sẽ thưởng to”.

Cậu bé về nhà, bỏ sừng trâu vào cái chảo to, đổ đầy nước rồi ninh kĩ. Sừng trâu mềm ra và dễ uốn. Cậu lấy đoạn tre vót nhọn thọc vào sừng trâu rồi đem phơi khô. Khi rút đoạn tre, chiếc sừng trâu đã được uốn thẳng.

Thấy cậu bé thật sự thông minh, nhà vua bèn thưởng rất hậu và đưa cậu vào trường học để nuôi dạy thành tài.

(Phỏng theo *Truyện cổ dân tộc Dao*)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Lần đầu, nhà vua giao việc gì để thử tài cậu bé ?

- a – Lấy tre khô bện một sợi dây thừng
- b – Lấy tre tươi bện một sợi dây thừng
- c – Lấy tro bếp bện một sợi dây thừng

2. Cậu bé làm thế nào để nắn thẳng chiếc sừng trâu ?

- a – Nắn sừng cho mềm, lấy đoạn tre buộc vào sừng, rồi đem phơi khô
- b – Nắn sừng cho mềm, lấy đoạn tre thọc vào sừng rồi đem phơi khô
- c – Nắn sừng cho mềm, dùng tay nắn lại cho thẳng rồi đem phơi khô

3. Dòng nào dưới đây nêu đúng ý nghĩa câu chuyện ?

- a – Ca ngợi cậu bé ngoan ngoãn
- b – Ca ngợi cậu bé chăm chỉ
- c – Ca ngợi cậu bé thông minh

(4). Qua câu chuyện, em hiểu thế nào là người có tài ?

- a – Người có khả năng đặc biệt khi làm một việc nào đó.
- b – Người có thể làm được một việc đặc biệt khó khăn.
- c – Người có thể làm được một việc hơn hẳn người khác.

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các câu dưới đây sau khi điền vào chỗ trống :

a) *l* hoặc *n*

Anh taeoênưng chim. Chim đập cánh baần mớiênổi.

.....
.....

b) *an* hoặc *ang*

Trời nắng ch..... ch..... . Tiếng tu hú gần xa r..... r..... .

.....
.....

2. Gạch dưới các từ ngữ chỉ sự vật trong mỗi khổ thơ sau :

- a)
- Hai bàn tay em
Như hoa đầu cành
Hoa hồng hồng nụ
Cánh tròn ngón xinh.

(Huy Cận)

- b) Em cầm bút vẽ lên tay
Đất cao lạnh bỗng nở đầy sắc hoa
Con cò bay lả, bay la
Luỹ tre đầu xóm, cây đa giữa đồng.

(Hồ Minh Hà)

3. Gạch dưới những sự vật được so sánh với nhau trong mỗi câu văn sau :

- a) Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ.
(Vũ Tú Nam)

- b) Cây rau khúc rất nhỏ, chỉ bằng một mầm cỏ non mới nhú.
(Ngô Văn Phú)

4. Điền nội dung cần thiết vào chỗ trống để hoàn thành lá đơn dưới đây :

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN XIN CẤP THẺ ĐỌC SÁCH

Kính gửi : Thư viện

Em tên là :

Sinh ngày : Nam (nữ) :

Nơi ở :

Học sinh lớp : Trường :

Em làm đơn này xin đề nghị Thư viện cấp cho em thẻ đọc sách năm

Được cấp thẻ đọc sách, em xin hứa thực hiện đúng mọi quy định của Thư viện.

Em xin trân trọng cảm ơn.

Người làm đơn

(Kí và ghi rõ họ tên)

.....

I – Bài tập về đọc hiểu

Lời của cây

Khi đang là hạt
Cầm trong tay mình
Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.

Khi hạt nảy mầm
Nhú lên giọt sữa
Mầm đã thì thầm
Ghé tai nghe rõ.

Mầm tròn nằm giữa
Vỏ hạt làm nôi
Nghe bàn tay vỗ
Nghe tiếng ru hời...

Khi cây đã thành
Nở vài lá bé
Là nghe màu xanh
Bắt đầu bập bẹ.

Rằng các bạn ơi
Cây chính là tôi
Nay mai sẽ lớn
Góp xanh đất trời.

(Trần Hữu Thung)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Khi chưa gieo xuống đất, hạt cây thế nào ?

- a – Hạt cây cựa quậy.
- b – Hạt cây nằm yên.
- c – Hạt cây thì thầm.

2. Khi hạt nảy mầm, ta nghe được những gì ?

- a – Nghe bàn tay vỗ, nghe tiếng ru hời
- b – Nghe bàn tay vỗ, nghe tiếng thì thầm
- c – Nghe tiếng ru hời, nghe tiếng bập bẹ

3. Khi đã nở vài lá bé xanh, cây bắt đầu thế nào ?

- a – Thì thầm
- b – Bập bẹ
- c – Vỗ tay

(4). Theo em, ý chính của bài thơ là gì ?

- a – Hạt nảy mầm, lớn lên để nghe những bàn tay vỗ và tiếng ru hời.
- b – Hạt nảy mầm, lớn thành cây để nở vài lá bé và bập bẹ màu xanh.
- c – Hạt nảy mầm, lớn lên thành cây để góp màu xanh cho đất trời.

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các câu sau khi điền vào chỗ trống :

a) *é*ch hoặc *u*éch

- Em bé có cái mũi h..... /
- Căn nhà trống h..... /

b) *u*y hoặc *u*yu :

- Đường đi khúc kh..... , gồ ghề.
-
- Cái áo có hàng kh..... rất đẹp.
-



4. Điền các nội dung cần thiết vào chỗ trống để hoàn thành Đơn xin vào Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH

....., ngày tháng năm

ĐƠN XIN VÀO ĐỘI

Kính gửi : –
–

Em tên là :

Sinh ngày :

Học sinh lớp : Trường :

Sau khi tìm hiểu về và học
....., em thiết tha mong được

để rèn luyện mình trở thành người

Em làm đơn này để xin được

Được vào Đội, em xin hứa :

– Chấp hành đúng

– Luôn giữ gìn

– Quyết tâm thực hiện tốt

để xứng đáng là

Người làm đơn
(Kí và ghi rõ họ tên)

.....

Tuần 3

I – Bài tập về đọc hiểu

Về thăm bà

Thanh bước lên thềm, nhìn vào trong nhà. Sự yên lặng làm Thanh mãi mới cất được tiếng gọi khẽ :

– Bà ơi !

Thanh bước xuống giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư ?

Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

– Đi vào trong nhà kéo nắn, cháu !

Thanh đi, người thẳng, mạnh, cạnh bà lưng đã còng. Tuy vậy, Thanh cảm thấy chính bà che chở cho mình như những ngày còn nhỏ...

Lần nào trở về với bà, Thanh cũng thấy thanh thản và bình yên như thế. Căn nhà, thửa vườn này như một nơi mát mẻ và hiền lành. Ở đấy, bà lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu Thanh.

(Theo Thạch Lam)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Hình dáng của người bà được tả qua các chi tiết nào ?

- a – Mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc đi vào, lưng đã còng
- b – Mái tóc bạc phơ, đôi mắt hiền từ, mến yêu Thanh
- c – Mái tóc bạc phơ, đôi mắt hiền từ, lưng đã còng

2. Chi tiết nào dưới đây thể hiện sự sẵn sàng ân cần của bà đối với cháu ?

- a – Hỏi cháu đã về đấy ư
- b – Giục cháu vào nhà kéo nắn
- c – Sẵn sàng chờ đợi để mến yêu cháu

3. Vì sao Thanh luôn thấy thanh thản và bình yên khi được trở về với bà ?

- a – Vì được sống ở khu vườn yên tĩnh và căn nhà có giàn thiên lí mát mẻ
- b – Vì được sống trong căn nhà rất mát mẻ và được bà che chở cho mình
- c – Vì được sống ở nơi mát mẻ, hiền lành và được bà yêu thương, săn sóc

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ ý chính của bài văn ?

- a – Tâm trạng bình yên, thanh thản của Thanh mỗi khi về thăm bà và tình yêu thương, sự chăm sóc ân cần của bà đối với cháu
- b – Tâm trạng bình yên, thanh thản của Thanh mỗi khi về thăm bà và tình yêu thương sâu nặng của cháu đối với bà kính yêu
- c – Tình cảm biết ơn sâu nặng của Thanh đối với người bà yêu quý và tình yêu thương, sự chăm sóc ân cần của bà đối với cháu

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) tr hoặc ch

- cheở / – cáchở /
-ơ trụ / –ơ vợ /

b) ắc hoặc oắc

- dao s..... / – dấu ng..... kép /
- lạ h..... / – mùi hăng h..... /

2. Gạch một gạch dưới các hình ảnh so sánh, gạch hai gạch dưới từ ngữ chỉ sự so sánh trong những câu thơ, câu văn sau :

- a) Mặt trời nằm đáy vó
Như một chiếc đĩa nhôm
Nhắc vó : mặt trời lọt
Đáy vó : toàn những tôm.

(Nguyễn Công Dương)

- b) Nắng vườn trưa mênh mông
 Bướm bay như lời hát
 Con tàu là đất nước
 Đưa ta tới bến xa...

(Xuân Quỳnh)

- c) Thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn. Sóng đập vào vòl mũi thùm thùm, chiếc thuyền tựa hồ như một tay võ sĩ can trường giơ ức ra chịu đấm, vẫn lao mình tới.

(Bùi Hiển)

3. Chép lại đoạn văn dưới đây sau khi đặt 3 dấu chấm vào chỗ thích hợp và viết hoa những chữ đầu câu.

Đêm mùa đông, trời mưa phùn gió lạnh thổi ào ào ngoài cửa sổ nằm trong nhà, Hồng lắng nghe tiếng mưa rơi em chỉ thương đàn gà phải co ro trong giá rét mùa đông.

.....

.....

.....

.....

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) giới thiệu về những người trong gia đình em với cô giáo (thầy giáo) chủ nhiệm lớp.

Gợi ý : a) Gia đình em có mấy người, đó là những ai ?

b) Từng người trong gia đình em hiện đang làm việc gì, ở đâu ?

c) Tình cảm của em đối với những người trong gia đình ra sao ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 4

I – Bài tập về đọc hiểu

Con chả biết được đâu

Mẹ đan tấm áo nhỏ
Bây giờ đang mùa xuân
Mẹ thêu vào chiếc khăn
Cái hoa và cái lá

Cỏ bờ dê rất lạ
Xanh như là chiêm bao
Kìa bãi ngô, bãi dâu
Thoáng tiếng cười dẫu đó

Mẹ đi trên hè phố
Nghe tiếng con đạp thềm
Mẹ nghĩ đến bàn chân
Và con đường tít tắp...

Thường trong nhiều câu chuyện
Bố vẫn nhắc về con
Bố mới mua chiếc chăn
Dành riêng cho con đắp

Áo con bố đã giặt
Thơ con bố viết rồi
Các anh con hỏi hoài :
– Bao giờ sinh em bé ?

Cả nhà mong con thế
Con chả biết được đâu
Mẹ ghi lại để sau
Lớn lên rồi con đọc.

(Xuân Quỳnh)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Mẹ đã chuẩn bị những gì cho con khi con còn nằm trong bụng mẹ ?

- a – Tấm áo vải nhỏ, chiếc khăn thêu hoa và lá
- b – Tấm áo len nhỏ, chiếc khăn thêu hoa và lá
- c – Tấm áo len nhỏ, chiếc khăn thêu hoa và cỏ

2. Bố đã chuẩn bị cho con những gì khi con sắp được sinh ra ?

- a – Mua chăn cho con đắp, giặt áo cho con mặc, viết thơ cho con
- b – Mua chăn cho con đắp, giặt áo con đã mặc, viết thơ cho con
- c – Mua chăn cho con đắp, mua áo cho con mặc, viết thơ cho con

3. Dòng nào dưới đây nêu đúng ý chính của bài thơ ?

- a – Tình yêu thương và sự quan tâm của các anh dành cho em bé từ khi bé còn nằm trong bụng mẹ
- b – Tình yêu thương và sự quan tâm của cha mẹ dành cho em bé từ khi bé còn nằm trong bụng mẹ
- c – Tình yêu thương và sự quan tâm của cả nhà dành cho em bé từ khi bé còn nằm trong bụng mẹ

(4). Theo em, dòng nào dưới đây nêu đúng cảm nhận về khổ thơ thứ hai (“Cỏ bờ đề rất lạ... Thoáng tiếng cười đâu đó”) ?

- a – Ngày con sắp ra đời, mẹ luôn chiêm bao thấy con, nghe thấy tiếng cười của con.
- b – Ngày con sắp ra đời, mẹ nhìn cuộc sống xung quanh thấy biết bao điều tốt đẹp.
- c – Ngày con sắp ra đời, mẹ nhìn cái gì cũng thấy lạ, tiếng cười cứ thấp thoáng đâu đây.

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các câu dưới đây sau khi điền vào chỗ trống :

a) *d* hoặc *gi*, *r*

Tiếng đàn theoó bay xa, lúcùuặt thiết tha, lúc ngân nga
...éo ...ắt.

.....
.....

b) *ân* hoặc *ang*

Vua vừa dừng ch....., d..... trong làng đã d..... lên vua nhiều sản
vật để tỏ lòng biết ơn.

.....
.....

2. **Ghép các tiếng cô, chú, bác, cháu để có 6 từ chỉ gộp những người trong gia đình. (M : cô chú)**

(1) (2) (3)

(4) (5) (6)

3. **Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu theo mẫu Ai là gì ? sau đây :**

a) Mẹ em là

b) Lớp trưởng lớp em là

c) Người dạy dỗ và chăm sóc em rất tận tình từ năm lớp 1 là

.....

4. **Dựa vào bài thơ “Con chả biết được đâu”, em hãy trả lời các câu hỏi sau :**

a) Mẹ đan tấm áo cho con vào mùa nào ?

.....

.....

b) Nghe tiếng con đập thăm trong bụng, người mẹ nghĩ đến điều gì ?

.....

.....

.....

c) Cả nhà đều mong em bé lớn lên sẽ đọc bài thơ và biết được những gì ?

.....

.....

.....

.....

I – Bài tập về đọc hiểu

Lời khuyên của bố

Con yêu quý của bố,

Học quả là khó khăn gian khổ. Bố muốn con đến trường với lòng hăng say và niềm phấn khởi. Con hãy nghĩ đến những người thợ, tối tối đến trường sau một ngày lao động vất vả. Cả đến những người lính vừa ở thao trường về là ngồi ngay vào bàn đọc đọc, viết viết. Con hãy nghĩ đến các em nhỏ bị câm hoặc điếc mà vẫn thích đi học...

Con hãy tưởng tượng mà xem, nếu phong trào học tập ấy bị ngừng lại thì nhân loại sẽ chìm đắm trong cảnh ngu dốt, trong sự dă man.

Hãy can đảm lên, hỡi người chiến sĩ của đạo quân vĩ đại kia ! Sách vở của con là vũ khí, lớp học của con là chiến trường ! Hãy coi sự ngu dốt là thù địch. Bố tin rằng con luôn luôn cố gắng và sẽ không bao giờ là người lính hèn nhất trên mặt trận đầy gian khổ ấy.

(Theo A-mi-xi)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Người bố khuyên con nghĩ đến tấm gương học tập của những ai ?

- a – Người thợ, người lính ở thao trường, em nhỏ bị câm hoặc điếc.
- b – Người thợ, người lính ở chiến trường, em nhỏ bị câm hoặc điếc.
- c – Người thợ, người nông dân trên đồng, em nhỏ bị câm hoặc điếc.

2. Người bố đã sử dụng những hình ảnh so sánh nào để nói về việc học tập ?

- a – Sách vở là chiến trường, lớp học là vũ khí, sự ngu dốt là thù địch.
- b – Sách vở là vũ khí, lớp học là thao trường, sự ngu dốt là thù địch.
- c – Sách vở là vũ khí, lớp học là chiến trường, sự ngu dốt là thù địch.

3. *Người bố mong con mình là người “chiến sĩ” có những phẩm chất gì ?*

- a – Can đảm, luôn luôn cố gắng, hăng say và phấn khởi
- b – Can đảm, luôn luôn cố gắng, không bao giờ hèn nhát
- c – Can đảm, luôn thích đi học, không bao giờ hèn nhát

(4). *Theo em, vì sao người bố muốn con đến trường với lòng hăng say và niềm phấn khởi ?*

- a – Vì bố muốn con tự giác, say mê học tập và tinh thần phấn khởi, vui tươi
- b – Vì bố muốn con tự giác, say mê học tập và tìm thấy niềm vui trong lao động
- c – Vì bố muốn con tự giác, hăng say học tập và phấn khởi với nhiều điểm cao

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. *Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :*

a) *l* hoặc *n*

–úaếp / –oắng /

–eói / –ờiói /

b) *en* hoặc *eng*

– giấy kh..... / – thổi kh..... /

– cái x..... / – đánh k..... /

2. *Gạch một gạch dưới các hình ảnh so sánh, gạch hai gạch dưới từ ngữ chỉ sự so sánh trong những câu thơ sau :*

- a) – Con yêu mẹ bằng trường học
Cả ngày con ở đấy thôi
Lúc con học, lúc con chơi
Là con cũng đều có mẹ.

(Xuân Quỳnh)

- b) Con mong mẹ khoẻ dần dần
Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say
Rồi ra đọc sách, cấy cà
Mẹ là đất nước, tháng ngày của con.
(Trần Đăng Khoa)

- c) Công cha cao hơn núi
Nghĩa mẹ dài hơn sông
Suốt đời em ghi nhớ
Khắc sâu tận đáy lòng.
(Lý Hải Như)

3. *Gạch dưới những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ sau và tìm từ so sánh có thể thay thế cho dấu hai chấm trong dòng thơ cuối. (Viết vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu trả lời.)*

Em nhặt ốc, hến
Em đơm cơm nào,
Cơm là cát biển
Đũa : nhánh phi lao.

(Lữ Huy Nguyên)

Dấu hai chấm trong dòng thơ cuối có thể thay thế bằng từ so sánh :

.....

(4). *Em hãy ghi lại những dự kiến về nội dung trao đổi trong cuộc họp tổ bàn về việc xây dựng môi trường học tập thân thiện ở tổ em.*

Gợi ý :

- a) Mục đích của cuộc họp tổ là gì ?
b) Tình hình học tập đầu năm của tổ ra sao (chú ý về tinh thần học tập và kết quả đạt được ở các môn học của các bạn trong tổ). Nêu nguyên nhân và cách khắc phục (nếu có hạn chế, khuyết điểm).
c) Phân công công việc (trách nhiệm) của từng thành viên trong tổ.

.....

.....

Tuần 6

I – Bài tập về đọc hiểu

Người thầy đạo cao đức trọng

Ông Chu Văn An đời Trần nổi tiếng là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.

Học trò theo học ông rất đông. Nhiều người đỗ cao và sau này giữ những trọng trách trong triều đình như các ông Phạm Sư Mạnh, Lê Quát. Vì thế mà vua Trần Minh Tông vời ông ra dạy học cho thái tử. Đến đời Dụ Tông, vua thích vui chơi, không coi sóc tới việc triều đình, lại tin dùng bọn nịnh thần. Ông nhiều lần can ngăn nhưng vua không nghe. Lần cuối, ông trả lại mũ áo triều đình, từ quan về làng.

Học trò của ông, từ người làm quan to đến người bình thường, khi có dịp tới thăm thầy cũ, ai cũng giữ lễ. Nếu họ có điều gì không phải, ông trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm.

Khi ông mất đi, mọi người đều thương tiếc.

(Theo Phan Huy Chú)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Tính tình thầy giáo Chu Văn An thế nào ?

- a – Cứng cỏi, không màng danh lợi
- b – Dạy giỏi, không màng danh lợi
- c – Cứng cỏi, không màng hư danh

2. Vì sao thầy Chu Văn An trả lại mũ áo triều đình, từ quan về làng ?

- a – Vì nhiều lần thầy ngăn vua không nên mãi vui chơi nhưng vua không nghe
- b – Vì nhiều lần thầy khuyên nhà vua nhưng vua không nghe
- c – Vì nhiều lần thầy can ngăn nhà vua nhưng vua không nghe

3. Khi học trò đến thăm, thầy Chu Văn An cư xử với họ ra sao ?

- a – Nếu có điều gì không phải thì trách mắng ngay rồi cho họ vào thăm
- b – Nếu có điều gì không phải thì trách mắng ngay, có khi không cho vào thăm
- c – Nếu có điều gì không phải thì trách phạt ngay, có khi không cho vào thăm

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý nghĩa câu chuyện ?

- a – Ca ngợi người thầy thẳng thắn, ghét bọn nịnh thần
- b – Ca ngợi người thầy tài giỏi, không ưa danh lợi
- c – Ca ngợi người thầy tài giỏi, có đạo đức cao quý

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) s hoặc x

- sảnuất / – sơuất /
-ơ dừa / –ơ lược /

b) ươn hoặc ương

- mái tr..... / – tr..... tới /
- giọt s..... / – s..... núi /

2. Viết 9 từ ngữ chỉ người, đồ vật thường thấy trong lớp học.

(M : bạn bè)

- (1) (2) (3)
- (4) (5) (6)
- (7) (8) (9)

3. Thêm dấu phẩy vào chỗ thích hợp rồi chép lại các câu sau :

a) Bạn Ngọc bạn Thuỷ và bạn Lan đều là học sinh giỏi toàn diện.

.....
.....

b) Cả hai chị em trong nhà đều là vận động viên tài năng đầy triển vọng.

.....
.....

c) Kỷ niệm buổi đầu đi học là kỉ niệm đẹp đẽ trong sáng và đáng nhớ suốt đời.

.....
.....

4. Trả lời các câu hỏi kể về buổi đầu em đi học :

a) Em đến trường đi học lần đầu vào buổi sáng hay buổi chiều ?

.....
.....

b) Hôm ấy, em đi học một mình hay có ai đưa đi ?

.....
.....

c) Trên đường tới trường, em nhìn thấy những cảnh gì ?

.....
.....

d) Buổi đầu đi học, điều gì làm cho em thấy lạ lùng, ngỡ ngàng ?

.....
.....

e) Lúc đó, em mong muốn điều gì ?

.....
.....

Tuần 7

I – Bài tập về đọc hiểu

Cái ổ gà

Chiều nay, Dũng đứng trước cửa chờ bố về, nhìn xe cộ và mọi người qua đường. Một bác chở bó củi sau xe đạp, định tránh ổ gà* thì gặp chiếc xe khác ở phía trước xô tới. Bác luống cuống lao xe xuống ổ gà. Bó củi bị xóc mạnh, đứt dây, rơi vung vãi. Bác vội xuống xe, lúng túng nhặt từng que củi. Bọn trẻ cứ đứng nhìn và cười.

Lát sau, một chiếc xe khác đèo em bé lại gặp phải ổ gà. Xe xóc mạnh, bà mẹ loạng choạng tay lái làm em bé suýt ngã.

Bố về. Dũng kể cho bố nghe hết chuyện này đến chuyện khác, cuối cùng là chuyện cái ổ gà. Chưa kể hết, bố đã hỏi ngay :

– Thế con cứ đứng xem à ? Sao con không lấp nó đi ?

Dũng dờ người, có thể mà cũng không nghĩ ra. Dũng ấp úng :

– Con quên mất !

Dũng vội đi lấy cái xô và cái xẻng nhỏ. Hai bố con ra đến đường thì cái ổ gà tai ác đã được lấp phẳng. Chắc một bạn nào đó đã kể cho bố bạn ấy nghe trước Dũng. Dũng thấy tiếc quá.

(Theo Hoàng Anh Đường)

* *Ổ gà* : chỗ lõm sâu xuống mặt đường giống như ổ nằm của con gà mái đẻ.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. *Thấy bác chở củi sau xe đạp gặp chuyện không may, bọn trẻ đã làm gì ?*

- a – Đứng nhìn thích thú
- b – Đứng nhìn và cười
- c – Chạy lại để giúp đỡ

2. Bác chở củi và bà mẹ đèo con đều suýt ngã trên đường vì lí do gì ?

a – Vì xe chở nặng, khó điều khiển

b – Vì lao vào xe của người khác

c – Vì xe gặp phải ổ gà trên đường

3. Câu chuyện gợi cho em biết ai đã lấp phẳng cái ổ gà tai ác trên đường ?

a – Dũng và bố của Dũng

b – Một bạn nhỏ nào đó

c – Một người qua đường

(4). Lời khuyên nào dưới đây phù hợp với nội dung câu chuyện ?

a – Hãy tích cực làm việc tốt, dù rất nhỏ.

b – Hãy làm những việc có thể làm được.

c – Hãy cứu giúp những người bị tai nạn.

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các câu dưới đây sau khi điền vào chỗ trống :

a) *tr* hoặc *ch*

Từong gặm tử, mấyúuột nhất vừaạy vừa kêuítít.

b) *iên* hoặc *iêng*

Từng đàn chim hải âu bay l..... trên mặt b....., t..... kêu xao xác.

2. Gạch dưới các hình ảnh so sánh trong những câu thơ, câu văn dưới đây rồi điền vào chỗ trống để hoàn thiện câu trả lời :

- a) Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Trần Quốc Minh)

- b) Chiếc thuyền tựa hồ một tay võ sĩ can trường giờ ỨC RA CHỊU ĐẮM, VẮN
lao mình tới. (Bùi Hiển)

- c) Dãy núi đá vôi kia ngời suy tư trầm mặc như một cụ già mẫn chiểu
xế bóng. (Văn Thảo)

Kiểu so sánh trong các câu thơ, câu văn trên là : so sánh
với

3. Gạch dưới các từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái có trong đoạn văn sau :

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỏ ngỗ đứng nép bên người thân, chỉ dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim non nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thém vụng và ước ao thắm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ. (Thanh Tịnh)

4. Kể một câu chuyện vui mà em đã được nghe ở lớp hoặc ở nhà.

Gợi ý :

- a) Trong số những truyện vui đã nghe, em muốn kể lại câu chuyện nào ?
b) Câu chuyện mở đầu ra sao ? Diễn biến thế nào ? Kết thúc ra sao ?
c) Nhận xét của em về câu chuyện vui (hoặc về nhân vật trong câu chuyện).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

I – Bài tập về đọc hiểu

Hoạ Mi hát

Mùa xuân ! Mỗi khi Hoạ Mi tung ra những tiếng hát vang lòng, mọi vật như có sự đổi thay kì diệu !

Trời bỗng sáng thêm ra. Những luồng ánh sáng chiếu qua các chùm lộc mới hoá rục rờ hơn. Những gợn sóng trên hồ hoà nhịp với tiếng Hoạ Mi hát, lấp lánh thêm. Da trời bỗng xanh cao. Những làn mây trắng trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn. Các loài hoa nghe tiếng hát trong suốt của Hoạ Mi chột bùng giấc, xoè những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. Tiếng hát dịu dặt của Hoạ Mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tung bùng, ca ngợi núi sông đang đổi mới.

Chim, Mây, Nước và Hoa đều cho rằng tiếng hát kì diệu của Hoạ Mi đã làm cho tất cả bừng giấc... Hoạ Mi thấy lòng vui sướng, cố hát hay hơn nữa.

(Võ Quảng)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Khi Hoạ Mi hát, những làn mây trên trời biến đổi ra sao ?

- a – Sáng thêm ra, rục rờ hơn, xanh cao hơn
- b – Sáng hơn, xanh cao hơn, lấp lánh hơn
- c – Trắng hơn, xốp hơn, trôi nhẹ nhàng hơn

2. Tiếng hát của Hoạ Mi làm cho hoa và chim biến đổi thế nào ?

- a – Hoa nở đẹp, đủ màu sắc ; chim hát vang tung bùng.
- b – Hoa khoe màu rục rờ ; chim hát nhịp nhàng, dịu dặt.
- c – Hoa tươi sáng hơn ; chim hát rộn ràng như khúc nhạc.

3. Vì sao nói tiếng hát của Hoạ Mi là tiếng hát kì diệu ?

- a – Vì đó là tiếng hát ca ngợi núi sông đang đổi mới
- b – Vì đó là tiếng hát làm cho tất cả bừng tỉnh giấc
- c – Vì đó là tiếng hát vui như khúc nhạc tung bùng

(4). Bài văn ca ngợi điều gì ?

- a – Ca ngợi cảnh vật mùa xuân tươi đẹp
- b – Ca ngợi tiếng hát kì diệu của Hoà Mi
- c – Ca ngợi núi sông ngày càng đổi mới

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) d, gi hoặc r

- thôngong / –ong ruồi /
-òng rã / –òng kẻ /
-óng trống / – riếtóng /

b) uôn hoặc uông

- ng..... gốc / – hát t..... /
- b..... làng / – b..... màn /

2. Điền từ vào chỗ trống thích hợp trong các câu tục ngữ :

– Dân ta nhớ một chữ

Đồng, đồng, đồng, đồng minh.

– Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong phải nhau cùng.

(Từ cần điền : *thương, đồng, sức, tình, lòng, một nước.*)

3. Gạch một gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Ai (cái gì, con gì) ?

Gạch hai gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Làm gì ?

M : Bà cụ chậm chạp bước đi trên vỉa hè.

- a) Đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ trên bờ đê.
- b) Mấy anh thanh niên mải mê trả lúa trên nương.
- c) Trên cao, chị mây trắng giờ lưng che nắng cho mẹ em gặt lúa.

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) nói về một em bé hoặc một cụ già gần nơi em ở.

Gợi ý :

- a) Em bé (cụ già) tên là gì, trạc bao nhiêu tuổi ?
- b) Em bé (cụ già) có điểm gì nổi bật (về hình dáng, hoạt động,...) ?
- c) Tình cảm của em đối với em bé (cụ già) đó ra sao ? Tình cảm của em bé (cụ già) đối với em như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 9 – Ôn tập giữa học kì I

A – Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây trong bài Tập đọc đã học (SGK Tiếng Việt 3, tập một) và trả lời câu hỏi (TLCH) ; sau đó tự đánh giá, cho điểm theo hướng dẫn ở Phần hai (Giải đáp – Gợi ý).

(1) **Cậu bé thông minh** (từ Hôm sau, đến luyện thành tài. – Đoạn 3)

TLCH : Khi nhà vua cho người đem đến một con chim sẻ nhỏ bảo cậu bé làm ba mâm cỗ, cậu đã ứng xử thế nào ?

(2) **Cô giáo tí hon** (từ *Bé treo nón* đến *nói không kịp hai đứa lớn*.)

TLCH : Bé đóng vai cô giáo dạy các em như thế nào ?

(3) **Chiếc áo len** (từ *Nằm cuộn tròn* đến *cho cả hai anh em*. – Đoạn 4)

TLCH : Lan ân hận và muốn làm gì ?

(4) **Ông ngoại** (từ *Trong cái vắng lặng của ngôi trường* đến *đời đi học của tôi sau này*.)

TLCH : Khi được ông ngoại dẫn đến thăm trường, điều gì đã làm cho tác giả xúc động ?

(5) **Bài tập làm văn** (từ *Đến đây, tôi bỗng thấy bí đến “Em còn giặt bát tất”*. – Đoạn 2)

TLCH : Vì sao Cô-li-a thấy khó viết bài tập làm văn ?

II – Đọc thêm và làm bài tập (4 điểm)

Người bán mũ và đàn khỉ

Có người đem một gánh mũ đi chợ bán. Giữa đường, trời nóng nực, anh ta ngồi nghỉ dưới một gốc cây, che mũ lên đầu rồi thiu thiu ngủ.

Đàn khỉ trên cây thấy vậy, đợi anh ta ngủ say bèn kéo xuống lấy mỗi con một chiếc mũ, đội lên đầu rồi leo tót lên cây. Tỉnh dậy, thấy mất mũ, anh kia nhìn lên cây, thấy lũ khỉ đội mũ của mình liền lấy đá ném. Đàn khỉ bắt chước, dùng quả cây ném xuống. Anh ta tức giận la hét om sòm, vò đầu bứt tai về khổ sở lắm. Đàn khỉ cũng nhả nhố nhại lại. Anh ta không biết làm thế nào, liền giật chiếc mũ trên đầu ném xuống đất, ngồi ôm mặt khóc. Đàn khỉ thấy vậy cũng bắt chước giật hết mũ trên đầu ném xuống đất.

Anh chàng bán mũ mừng rỡ nhặt lấy mũ rồi lại gánh đi bán.

(Truyện ngụ ngôn Việt Nam)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. **Khi thấy đàn khỉ lấy mũ, người bán mũ đã làm gì ?**

- a – Leo lên cây đòi khỉ trả mũ
- b – Lấy đá ném đàn khỉ trên cây
- c – La hét lũ khỉ, đòi trả lại mũ

2. Hành động nào giúp người bán mũ nhặt lại đủ số mũ để đi chợ bán ?

- a – Giật chiếc mũ trên đầu ném xuống đất
- b – Giật mũ trên đầu ném đàn khỉ trên cây
- c – Giật mũ, vò đầu bứt tai vẽ khỉ sờ lăm

3. Câu chuyện cho thấy điểm gì nổi bật ở loài khỉ ?

- a – Hay lấy trộm mũ của người khác
- b – Hay nhăn nhó, nhại người khác
- c – Hay bắt chước theo người khác

4. Cụm từ nào dưới đây có sử dụng biện pháp so sánh ?

- a – Rung cây dọa khỉ
- b – Bắt chước như khỉ
- c – Ném đá đuổi khỉ

B – Kiểm tra Viết

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

Hạt thóc

Cái ngày còn mặc áo xanh
Thóc nằm bú sữa trên nhành lúa tươi
Thóc xoa phấn trắng quanh người
Cho thơm cả ngọn gió xuôi mặt cầu
Lớn rồi, thóc mặc áo nâu
Dầm mưa dãi nắng nuôi bầu sữa căng
Chờ ngày, chờ tháng, chờ năm
Nứt tung vỏ trấu tách mầm cây non...

(Kim Chuông)

II – Tập làm văn (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 7 câu) kể lại buổi đầu em đi học, theo gợi ý sau :

a) Em đến trường đi học lần đầu vào buổi sáng hay buổi chiều ?

- b) *Hôm ấy, em đi học một mình hay có ai đưa đi ?*
 c) *Trên đường tới trường, em nhìn thấy những cảnh gì ?*
 d) *Buổi đầu đi học, điều gì làm cho em thấy lạ lùng, ngỡ ngàng ?*
 e) *Lúc đó, em mong muốn điều gì ?*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 10

I – Bài tập về đọc hiểu

Tình quê hương

Làng quê tôi đã khuất hẳn, nhưng tôi vẫn dăm dăm nhìn theo. Tôi đã đi nhiều nơi, đóng quân nhiều chỗ phong cảnh đẹp hơn đây nhiều, nhân dân coi tôi như người làng và cũng có những người yêu tôi tha thiết, nhưng sao sức quyến rũ, nhớ thương vẫn không mãnh liệt, day dứt bằng mảnh đất cọc cán này.

Ở mảnh đất ấy, tháng giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột ; tháng tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép ; tháng chín, tháng mười, đi móc con da⁽¹⁾ dưới vệ sông. Ở mảnh đất ấy, những ngày chợ phiên, dì tôi lại mua cho vài cái bánh rọm⁽²⁾... Những tối liên hoan xã, nghe cái Tị hát

chèo và đôi lúc lại ngồi nói chuyện với Cún con, nhắc lại những kỉ niệm đẹp để thời thơ ấu.

Phảng phất trong không khí có thứ mùi quen thuộc, không hẳn là mùi nhang ngày Tết, cũng không phải là thứ mùi nào khác có thể gọi tên được, có lẽ đã lâu lắm, nay tôi lại cảm thấy nó. Thôi tôi nhớ ra rồi... Đó là thứ mùi vị rất đặc biệt, mùi vị của quê hương.

(Theo Nguyễn Khải)

⁽¹⁾ *Con da* : một loại cua giống cua đồng nhưng chân có lông.

⁽²⁾ *Bánh rộm* : một loại bánh làm bằng bột nếp, gói bằng lá chuối tươi.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Đoạn 1 (“Làng quê tôi... mảnh đất cộc cần này.”) ý nói gì ?

- a – Tình cảm gắn bó thiết tha, mãnh liệt của tác giả đối với nhân dân
- b – Tình cảm gắn bó thiết tha, mãnh liệt của tác giả với nơi đóng quân
- c – Tình cảm gắn bó thiết tha, mãnh liệt của tác giả đối với quê hương

2. Ở đoạn 2 (“Ở mảnh đất ấy... thời thơ ấu.”), tác giả nhớ những việc gì đã làm từ thời thơ ấu trên quê hương ?

- a – Đốt bãi, đào ổ chuột, đánh giậm, úp cá, đơm tép, đi chợ phiên
- b – Đốt bãi, đào ổ chuột, đánh giậm, úp cá, đơm tép, móc con da
- c – Đốt bãi, đánh giậm, úp cá, đơm tép, móc con da, đi hát chèo

3. Thứ mùi vị đặc biệt mà tác giả cảm nhận được là mùi vị gì ?

- a – Mùi vị của đất bãi
- b – Mùi nhang ngày Tết
- c – Mùi vị của quê hương

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý chính của bài văn ?

- a – Tình cảm gắn bó của anh bộ đội đối với quê hương qua những kỉ niệm khó quên
- b – Tình cảm gắn bó của anh bộ đội đối với bạn bè, người thân qua kỉ niệm thời thơ ấu
- c – Tình cảm lưu luyến, nhớ thương của anh bộ đội đối với quê hương trước lúc đi xa

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các câu sau khi điền vào chỗ trống :

a) *oai*, *oay* hoặc *oet*

– Ng..... cửa, cơn gió x..... làm cây cối trong vườn nghiêng ngả.

.....

.....

– Chú chim nhỏ l..... h..... tìm bắt lũ sâu đục kh..... thân cây.

.....

.....

b) *l* hoặc *n*

.....ong ...anh đáyước in trời

Thành xây khối biếcon phơi bóng vàng.

(Theo Nguyễn Du)

.....

.....

2. Gạch dưới những từ ngữ chỉ âm thanh được so sánh với nhau trong mỗi câu sau :

a) Tiếng ve râm ran như tiếng nhạc chiều êm ả.

b) Tiếng sóng ì oạp vỗ vào bờ cát như tiếng ru dịu dàng của mẹ.

c) Tiếng khèn dudu dặt tựa tiếng gió reo vi vút trong rừng bương.

3. Ngắt đoạn dưới đây thành 4 câu và chép lại cho đúng chính tả :

Cháu rất nhớ khu vườn của bà khu vườn ấy có cây ổi đào mà cháu rất thích hè này về thăm bà, chắc cháu lại được ăn ổi trái ổi thơm ngon như tấm lòng yêu thương của bà dành cho cháu.

.....

.....

.....

.....

.....

4. Viết một bức thư ngắn cho cô giáo (thầy giáo) đã dạy em trong những năm học trước nhân Ngày 20 – 11.

Gợi ý :

- Dòng đầu thư : Nơi gửi, ngày... tháng... năm...
- Lời xưng hô với người nhận thư (VD : Cô giáo Mai Anh kính mến, hoặc Thầy Lãng kính mến,...)
- Nội dung thư (4 – 5 dòng) : Thăm hỏi, báo tin tới thầy cô. Lời chúc và hứa hẹn...
- Cuối thư : Lời chào, chữ kí và tên.

....., ngày tháng năm.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập về đọc hiểu

Tiếng thác Leng Gung

Chuyện xưa kể lại, quê hương của người Mnông⁽¹⁾ là dãy núi Nậm Nung. Trên đỉnh núi chạm mây trời, có ngọn thác cao. Dưới chân thác có một tảng đá rộng và mỏng. Dòng nước dội xuống phát ra muôn ngàn tiếng vang ngân như chuông reo.

Tiếng ngân vang đến xứ Prum. Vua Prum ghen tức, nhiều phen cho người do thám⁽²⁾ để phá nguồn nước chảy xuống thác. Một lần, người của Prum bắt được chàng trai Dăm Xum. Vua dụ dỗ chàng chỉ đường lên nguồn nước, hứa gả cho con gái đẹp, cho nhiều ché bạc và nương rẫy. Dăm Xum không chịu. Vua tức giận, đưa chàng đi thật xa.

Từ ngày bị đưa vào rừng thẳm, cái bụng Dăm Xum lúc nào cũng nghe tiếng ngân vang của dòng thác. Chàng quên ăn, quên ngủ, ngày đêm lội suối băng rừng, lần theo tiếng thác reo. Khi chàng về được dưới chân thác, râu tóc đã bạc trắng, dài quá vai. Dòng thác Leng Gung vẫn trẻ trung ngân vang khắp núi rừng tiếng chuông gọi những người con xa quê về với buôn làng.

(Phỏng theo *Truyện cổ Tây Nguyên*)

⁽¹⁾ **Mnông** : một dân tộc thiểu số thường sống ở Tây Nguyên.

⁽²⁾ **Do thám** : dò xét để biết tình hình của đối phương.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Âm thanh của dòng thác Leng Gung có gì đặc biệt ?

- a – Ngân vang như tiếng đàn đá
- b – Ngân vang như tiếng chuông
- c – Ngân vang như tiếng chiêng

2. Vua Prum dự đoán Dăm Xum làm điều gì ?

- a – Chỉ đường lên phá nguồn nước chảy xuống thác
- b – Chỉ đường đến nơi có nhiều ché bạc, nương rẫy
- c – Chỉ đường đến xem dòng thác phát ra âm thanh

3. Chi tiết nào chứng tỏ tình yêu mãnh liệt của Dăm Xum đối với quê hương ?

- a – Lúc nào cái bụng cũng nghe thấy tiếng ngân vang của dòng thác
- b – Sống trong rừng thẳm, tóc bạc trắng, dài quá vai vẫn nhớ tiếng thác
- c – Quên ăn, quên ngủ, ngày đêm lội suối băng rừng để trở về với thác

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý nghĩa của câu chuyện ?

- a – Ca ngợi lòng dũng cảm của chàng Dăm Xum
- b – Ca ngợi tình yêu quê hương của người Mnông
- c – Ca ngợi âm thanh kì diệu của thác Leng Gung

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) s hoặc x

– cây ...ong / –ong việc /

– ngôi ...ao / – laoao /

b) ươn hoặc ương

– con l..... / – l..... thực /

– bay l..... / – khối l..... /

2. Viết vào chỗ trống ít nhất 3 từ ngữ có thể thay thế cho từ in đậm ở câu sau :

Dòng thác Leng Gung vẫn trẻ trung ngân vang khắp núi rừng tiếng chuông gọi những người con xa **quê** về với buôn làng.

Từ ngữ có thể thay thế cho từ **quê** :

.....

3. Dùng mỗi từ ngữ sau để đặt câu theo mẫu Ai làm gì ? :

- (cô giáo hoặc thầy giáo) :
-
- (các bạn học sinh) :
-
- (đàn cò trắng) :
-

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) nói về một cảnh vật em yêu thích nhất ở quê hương (hoặc nơi em đang sống).

Gợi ý :

- a) Em yêu thích nhất cảnh gì ở quê hương ? (VD : dòng sông, con suối, dòng thác, dãy núi, cánh đồng, bãi biển, hồ nước, bến đò, công viên,...)
- b) Cảnh đó có những nét gì nổi bật làm em thích thú ?
- c) Nêu cảm nghĩ của em khi ngắm cảnh (hoặc nhớ về cảnh đó lúc đi xa).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

I – Bài tập về đọc hiểu

Cây mai tứ quý

Cây mai cao trên hai mét, dáng thanh, thân thẳng như thân trúc. Tán tròn tự nhiên xoè rộng ở phần gốc, thu dần thành một điểm ở đỉnh ngọn. Gốc lớn bằng bắp tay, cành vươn đều, nhánh nào cũng rắn chắc. Loại cây này chỉ ưa bạn với gió mạnh, bướm ong không dễ dàng ve vãn, sâu bọ không dễ dàng gây hại.

Mai tứ quý nở bốn mùa. Cánh hoa vàng thắm xếp làm ba lớp. Năm cánh dài đỏ tía như ức gà chọi, đỏ suốt từ đài hoa sang đài kết trái. Trái kết màu chín đậm, óng ánh như những hạt cườm dính trên tầng áo lá lúc nào cũng xum xuê một màu xanh chắc bền.

Đứng bên cây ngắm hoa, xem lá, ta thầm cảm phục cái mẫu nhiệm của tạo vật trong sự hào phóng và lo xa : đã có mai vàng rực rỡ góp với muôn hoa ngày Tết, lại có mai tứ quý đem đến sự cần mẫn, thịnh vượng quanh năm.

(Theo Nguyễn Vũ Tiềm)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

- Cành của cây mai tứ quý có đặc điểm gì ?** (Đoạn 1 – “Cây mai... gây hại.”)
 - Thẳng, xoè rộng
 - Thẳng, vươn đều
 - Vươn đều, rắn chắc
- Đoạn 2 (“Mai tứ quý... màu xanh chắc bền.”) tả cụ thể những bộ phận nào của cây mai tứ quý ?**
 - Cánh hoa, trái mai, tầng áo lá
 - Cánh hoa, cánh đài, trái mai
 - Cánh hoa, cánh đài, tầng áo lá

3. Đoạn 3 (“Đứng bên cây... quanh năm.”) cho biết cảm nghĩ gì của tác giả?

- a – Hoa và lá của cây mai tứ quý đều rất đẹp.
- b – Mai tứ quý và mai vàng làm đẹp cho ngày Tết.
- c – Mai tứ quý đem đến sự cần mẫn, thịnh vượng.

(4). Cánh hoa mai tứ quý có gì nổi bật?

- a – Đỏ tía, óng ánh như hạt cườm
- b – Vàng thẫm, xếp làm ba lớp
- c – Vàng thẫm, óng ánh như hạt cườm

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) *tr* hoặc *ch*

- chóngán / – vàngán /
- phảiăng / – ánhăng /

b) *at* hoặc *ac*

- ng..... nhiên / – ng..... thờ /
- bát ng..... / – ngơ ng..... /

2. Gạch dưới những từ ngữ chỉ hoạt động được so sánh với nhau trong mỗi câu sau :

- a) Con thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn.
- b) Những chú ngựa phi nhanh trên đường đua tựa như tên bắn.
- c) Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại rơi mà như nhảy nhót.

3. Đặt câu với mỗi từ chỉ hoạt động, trạng thái :

– (bơi) :

.....

– (thích) :

.....

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) nói về một cảnh đẹp ở nước ta mà em được biết qua tranh (ảnh) hoặc tivi.

Gợi ý :

- a) Đó là cảnh gì, ở đâu ?
- b) Cảnh đó có những điểm gì nổi bật làm em chú ý (về màu sắc, đường nét, hình khối,...) ?
- c) Nhìn cảnh đẹp đó, em có những suy nghĩ gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

I – Bài tập về đọc hiểu

Viếng lăng Bác

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Mai về miền Nam, thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

(Viễn Phương)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Ở khổ thơ 1, hàng tre bên lăng Bác được tả bằng những từ ngữ nào ?

- a – Trong sương, xanh xanh, thẳng hàng
- b – Bát ngát, xanh xanh, đứng thẳng hàng
- c – Xanh xanh, bát ngát, bão táp mưa sa

2. Ở khổ thơ 2, những từ ngữ nào nhắc đến hình ảnh Bác Hồ kính yêu ?

- a – Mặt trời đi qua trên lăng ; mặt trời trong lăng rất đỏ
- b – Mặt trời đi qua trên lăng ; bảy mươi chín mùa xuân
- c – Mặt trời trong lăng rất đỏ ; bảy mươi chín mùa xuân

3. Dòng nào dưới đây nêu đúng ý hai câu thơ “Bác nằm trong giấc ngủ bình yên / Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền” ?

- a – Bác Hồ đang ngủ ngon dưới vầng trăng sáng trong, dịu hiền.
- b – Bác Hồ nằm đó như đang ngủ ngon giấc dưới ánh trăng đẹp.
- c – Bác Hồ nằm đó như đang ngủ yên giữa vầng trăng sáng đẹp.

(4). Khổ thơ cuối (“Mai về miền Nam... chốn này”) nói lên điều gì ?

- a – Tình cảm gắn bó, yêu thương sâu nặng của tác giả đối với Bác Hồ kính yêu.
- b – Tình cảm thủy chung son sắt của nhân dân miền Nam với Bác Hồ kính yêu.
- c – Tác giả chỉ muốn luôn được ở bên lăng Bác Hồ để vơi đi nỗi nhớ thương Bác.

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các câu dưới đây, sau khi điền vào chỗ trống :

a) r, gi hoặc d

Sóng biểnũội xô vào bãi cát,ó biển ào ào xé nátặng phi lao.

.....
.....

b) Chữ có dấu hỏi hoặc dấu ngã

Quê hương người chỉ một

Như là một mẹ thôi

.....
.....

2. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống trong bảng theo từng cặp :

<i>Từ ngữ dùng ở miền Bắc</i>	<i>Từ ngữ dùng ở miền Nam</i>
.....	trái banh
con lợn	
.....	cá lóc
quả trứng vịt	
.....	lì nước
hoa sen	

(Từ ngữ cần điền : con heo, hột vịt, bông sen, cốc nước, cá quả, quả bóng.)

3. Điền dấu câu (chấm hỏi hoặc chấm than) thích hợp vào ô trống :

Hùng cầm cục than đen vẽ lên bức tường trắng một con ngựa đang phi. Thấy bác Thành đi qua, Hùng gọi :

– Bác Thành ơi, bác xem con ngựa cháu vẽ có đẹp không ☐

Bác Thành nhìn bức vẽ, nói :

– Cháu vẽ đẹp đấy, nhưng còn có cái không đẹp ☐

Hùng vội hỏi :

– Cái nào không đẹp hở bác ☐

Bác Thành nghiêm nét mặt :

– Cái không đẹp là bức tường mới của trường bị xấu đi rồi đấy, cháu ạ ☐

Hùng ngượng ngịu cúi đầu im lặng.

4. Qua báo chí hoặc đài phát thanh, truyền hình,... em được biết tấm gương vượt khó để vươn lên học giỏi của một bạn cùng lứa tuổi. Hãy viết một bức thư cho bạn đó để làm quen và hẹn bạn cùng thi đua học tốt.

....., ngày..... tháng năm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 14

I – Bài tập về đọc hiểu

Sự tích ngôi nhà sàn

Ngày xưa, người ta chưa biết làm nhà, phải ở trong hang đá, chưa có làng mạc, thành phố như bây giờ.

Ở một vùng nọ, có một ông tên là Cài làm lưng vất vả mà vẫn đói, vì nương rẫy của ông thường bị thú rừng phá hoại. Ông Cài đặt bẫy bắt thú rừng. Lần ấy, ông bắt được một chú Rùa gầy. Ông định đem về ăn thịt cho bổ túc.

Rùa xin ông tha chết và hứa mách ông cách làm nhà ở. Nghe hay hay, ông liền cởi trói cho Rùa. Rùa gầy từ từ đứng dậy và nói :

– Ông là người sáng dạ. Ông nhìn xem : Toàn thân tôi là một ngôi nhà đấy !

Ông Cài ngấm nhìn hồi lâu, hình dung một ngôi nhà trong đầu, rồi nói :

– Bốn chân Rùa là bốn cái cột. Mu Rùa là mái nhà. Miệng Rùa là lối vào nhà. Hai mắt Rùa là hai cửa sổ. Có phải thế không ?

Rùa gật đầu khen và xin được về với họ hàng. Từ đó con người có nhà sàn để ở, tránh được mưa nắng.

(Theo *Truyện cổ dân tộc Mường*)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Ngày xưa, khi chưa biết làm nhà, con người sống ở đâu ?

- a – Con người sống trong hốc cây.
- b – Con người sống trong lều cỏ.
- c – Con người sống trong hang đá.

2. Vì sao ông Cài cởi trói và tha cho Rùa ?

- a – Vì ông thương chú Rùa gầy
- b – Vì Rùa mách ông cách làm nhà ở
- c – Vì Rùa mách ông cách đặt bẫy thú rừng

3. Ông Cài hình dung ra ngôi nhà từ những bộ phận nào của chú Rùa ?

- a – Chân Rùa, mu Rùa, miệng Rùa, mắt Rùa
- b – Chân Rùa, cổ Rùa, miệng Rùa, mắt Rùa
- c – Chân Rùa, mu Rùa, miệng Rùa, mũi Rùa

(4). Theo truyện cổ, nhờ đâu mà con người làm được nhà sàn để ở ?

- a – Nhờ may mắn có Rùa mách cho cách làm
- b – Nhờ thông minh, biết đặt bẫy bắt thú rừng
- c – Nhờ có trí thông minh và có lòng nhân ái

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) *l* hoặc *n*

–ênóp / –ên người /

–onước / – chạyon ton /

b) *ay* hoặc *ây*

– d..... học / – thức d..... /

– m..... trắng / – m..... áo /

c) *au* hoặc *âu*

– con s..... / – trước s..... /

– c..... văn / – cây c..... /

2. Gạch dưới những từ ngữ chỉ đặc điểm được so sánh giữa hai sự vật trong các câu thơ, câu văn sau :

a) Bế cháu ông thủ thi :

– Cháu khoẻ hơn ông nhiều !

(Phạm Cúc)

b) Ông trăng tròn sáng tỏ

Soi rõ sân nhà em

Trăng khuya sáng hơn đèn

Ơi ông trăng sáng tỏ.

(Trần Đăng Khoa)

c) Quyển vở này mở ra

Bao nhiêu trang giấy trắng

Từng dòng kẻ ngay ngắn

Như chúng em xếp hàng.

(Quang Huy)

d) Những lá sưa mỏng tang và xanh rờn như một thứ lụa xanh màu ngọc thạch với những chùm hoa nhỏ li ti và trắng như những hạt mưa bay. Những chiếc lá ngôã non to như cái quạt lọc ánh sáng xanh mờ mờ.

(Ngô Quân Miện)

3. Gạch dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “Thế nào ?” :

- a) Những cánh rừng Việt Bắc xanh ngút ngàn từ bao đời nay.
- b) Ngọn núi đá cao chót vót như chạm tới mây trời.
- c) Đồng bào các dân tộc thiểu số trọn đời thủy chung với cách mạng.

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) giới thiệu các thành viên của tổ em và một vài hoạt động của tổ trong tháng thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

Gợi ý :

- a) Tổ em gồm những bạn nào ?
- b) Trong tháng thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ em đã làm những việc gì để ngôi trường trở nên sạch đẹp và gần gũi với học sinh?
- c) Tổ em đã làm những việc gì để phát huy vai trò tích cực của học sinh trong học tập và các hoạt động khác ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

I – Bài tập về đọc hiểu

Tình anh em

Thời trước, có hai anh em cha mẹ mất sớm. Sau khi lấy vợ, người anh muốn làm giàu và lạnh nhạt * với em. Nhà có thóc lúa, ruộng tốt, người anh chiếm cả, chỉ cho em một ít ruộng xấu.

Một hôm, anh bắt được một con nai to. Anh định gọi bạn khiêng về cùng ăn, chứ không gọi em.

Người vợ biết ý, bèn bàn với chồng thử xem bạn tốt hay em tốt. Nghe lời vợ bàn, anh đến nhà bạn làm bộ hết hoảng : “Tôi đi săn chẳng may bắn trúng một người. Bây giờ làm thế nào, anh giúp tôi với !”.

Bạn lắc đầu :

– Trời mưa, rãnh nhà ai nhà ấy xẻ !

Người anh đến nhà em cũng nói như nói với bạn. Người em nghĩ một lát, rồi an ủi anh :

– Đã trót bắn chết thì khiêng về làm ma vậy. Rồi anh em cùng nhau thu xếp tiền, đến xin lỗi gia đình họ.

Bấy giờ, người anh mới tỉnh ngộ, nói hết sự thật và rủ em đi lấy nai về.

(Theo *Truyện cổ dân tộc Thái*)

* **Lạnh nhạt** : tình cảm xa cách, không gần gũi giúp đỡ nhau.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Sau khi lấy vợ, người anh đối xử với em thế nào ?

- a – Chiếm cả thóc lúa, ruộng tốt ; chỉ cho một ít ruộng xấu
- b – Chiếm cả thóc lúa, ruộng đất ; lạnh mặt, không hỏi han đến em
- c – Chiếm cả thóc lúa, lấy nhiều ruộng tốt ; để cho em ít ruộng tốt

2. Câu nói “Trời mưa, rãnh nhà ai nhà ấy xẻ.” chứng tỏ điều gì ở người bạn ?
- a – Chỉ lo được công việc của mình, không giúp được ai
 - b – Lo việc xẻ rãnh của nhà mình để khỏi ngập nước mưa
 - c – Chỉ lo việc nhà mình, không quan tâm đến người khác
3. Khi nghe anh báo tin lỡ bắn trúng người khác, người em có thái độ ra sao ?
- a – Lắc đầu từ chối, nói rằng việc của ai thì người ấy tự lo liệu
 - b – An ủi, khuyên anh mang tiền đến xin lỗi nhà người bị nạn
 - c – An ủi anh, sẵn sàng cùng anh lo giải quyết sự việc xảy ra
- (4). Câu tục ngữ nào dưới đây phù hợp với lời khuyên rút ra từ câu chuyện ?
- a – Khôn ngoan đối đáp người ngoài / Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
 - b – Anh em như thể chân tay / Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.
 - c – Bầu ơi thương lấy bí cùng / Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) s hoặc x

–ônao / – laoao /

– thổiáo / –áo trộn /

b) ui hoặc uôi

x..... khiến / x..... dòng /

c) ác hoặc át

b..... thang / b..... lửa /

2. Gạch dưới các từ ngữ chỉ nhạc cụ dân tộc thường được đồng bào các dân tộc thiểu số sử dụng :

đàn ghi-ta	đàn tơ-rưng	chiêng	kèn đồng
kèn lá	đàn oóc-gan	trống cơm	đàn tính
đàn bầu	khèn	đàn đá	pi-a-nô

3. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để có hình ảnh so sánh :

a) Trắng tròn như

Lơ lửng mà không rơi

Những hôm nào trăng khuyết

Trông giống trời

(Theo Trần Đăng Khoa)

b) Miệng cười như thể

Cái nón đội đầu như thể

(Theo Ca dao)

(Từ ngữ cần điền : *con thuyền, cái đĩa, hoa sen, hoa ngâu.*)

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) giới thiệu một vài hoạt động của tổ em trong tháng thi đua chào mừng Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 – 12.

Gợi ý :

a) Trong tháng thi đua chào mừng Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 – 12, tổ em đã làm được những việc gì đạt kết quả tốt về học tập ?

b) Về các mặt hoạt động khác (văn nghệ, thể dục thể thao, công tác đội,...), tổ em có những hoạt động gì nổi bật ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

I – Bài tập về đọc hiểu**Những cánh bướm bên bờ sông**

Ngoài giờ học, chúng tôi tha thẩn ở bờ sông bắt bướm. Chao ôi, những con bướm đủ hình dáng, đủ sắc màu. Con xanh biếc pha đen như nhung bay nhanh loang loáng. Con vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt, ven cánh có răng cưa, lượn lờ đồ như trôi trong nắng. Con bướm quạ⁽¹⁾ to bằng hai bàn tay người lớn, màu nâu xỉn, có hình đôi mắt tròn, vẽ dữ tợn. Bướm trắng bay theo đàn lú lú rú rú như hoa nắng. Loại bướm nhỏ đen kịt, là theo chiều gió, hết như tàn than của những đám đốt nương. Còn lũ bướm vàng tươi xinh xinh của những vườn rau thì rụt rè, nhút nhát, chẳng bao giờ dám bay ra đến bờ sông. Chúng cứ quẩn quýt quanh màu vàng hoa cải và quanh những con đòng tây⁽²⁾ xanh mọng nằm chờ đến lượt mình được hoá bướm vàng.

(Theo Vũ Tú Nam)

⁽¹⁾ *Bướm quạ* : loại bướm to, sải cánh rộng, màu nâu xỉn.

⁽²⁾ *Con đòng tây* : con nhộng của loài bướm.

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. *Ba con bướm được tả ở 5 câu đầu* (“Ngoài giờ học... vẽ dữ tợn.”) *có những màu sắc gì ?*
 - a – Xanh biếc pha đen, vàng sẫm, đen kịt
 - b – Xanh biếc pha đen, vàng sẫm, nâu xỉn
 - c – Xanh biếc pha đen, vàng tươi, đen kịt
2. *Ở 5 câu đầu, dáng bay của các con bướm được tả bằng những từ nào ?*
 - a – Loang loáng, lờ mờ
 - b – Loang loáng, lú lú rú rú
 - c – Lờ mờ, nhút nhát

3. Lũ bướm nào luôn quán quýt quanh màu vàng hoa cải ?

- a – Lũ bướm vàng tươi xinh xinh
- b – Lũ bướm xanh biếc pha đen
- c – Lũ bướm vàng sẫm, nhiều hình mặt nguyệt

(4). Dòng nào dưới đây nêu đúng ý chính của bài văn ?

- a – Vẻ đẹp kì lạ, hấp dẫn của các loại bướm sống trên sông nước
- b – Vẻ đẹp lộng lẫy, kì thú của các loại bướm sống trên đất bãi
- c – Vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các loại bướm bên bờ sông

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) tr hoặc ch

- bánhung / – sángung /
- sángói / –ói tay /

b) đở hoặc đổ

- thi / – thác /
- rác / – đen /

2. Viết vào đúng cột trong bảng tên các sự vật, công việc sau :

đèn cao áp, cánh đồng, hồ sen, rạp chiếu bóng, bể bơi, máy cày, bến xe buýt, máy gặt, chế tạo máy móc, xay thóc, giã gạo, trình diễn thời trang

Sự vật, công việc thường thấy ở thành phố	Sự vật, công việc thường thấy ở nông thôn
.....	
.....	
.....	
.....	

3. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau :

- a) Những đêm trăng sáng dòng sông lung linh như dát vàng.
- b) Xa xa ruộng lúa cấy sớm đã ngả màu vàng óng thoang thoảng hương thơm.
- c) Ô tô xe máy xe đạp cứ nối đuôi nhau chạy ùn ùn về trung tâm thành phố.

4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 6 câu) kể về một vài nét đẹp mà em thấy ở nông thôn (hoặc thành thị).

Gợi ý :

- a) Em được biết một vài nét đẹp ở đâu (thuộc nông thôn hoặc thành thị) ?
- b) Đó là những nét đẹp gì cụ thể (về cảnh vật, con người, cuộc sống,...) ?
- c) Vì sao em thích những nét đẹp đó ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

I – Bài tập về đọc hiểu

Thăm vườn bách thú

Bữa trước về chơi Thủ đô
Chăn Dào vào vườn bách thú
Gặp chú voi vẫy tay chào
Y như gặp người bạn cũ.

Gặp chú báo đen giận dữ
Bên trong cũi sắt một mình
Có bấy khi vàng láu lỉnh
Chìa tay xin kẹo học sinh.

Ở đây có chú hươu non
Tung tăng những bàn chân nhỏ
Người ta cho mẫu bánh mì
Chú nhai như là nhai cỏ.

Đúng rồi những chú voi kia
Chăn Dào gặp hôm hái nấm
Đúng rồi con đại bàng này
Trên đỉnh ngàn kia sỏi cánh.

Ở đây có chim, có rắn
Trăn hoa, báo gấm, lợn lòi
Lạ thật bao nhiêu là thú
Như là trên núi mình thôi !

(Nguyễn Châu)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Bốn khổ thơ đầu (“Bữa trước... sải cánh”) tả những con vật nào quen thuộc với Chăn Dào ?

- a – Voi, báo đen, khỉ vàng, đại bàng, báo gấm
- b – Voi, báo đen, báo gấm, hươu non, trăn hoa
- c – Voi, báo đen, khỉ vàng, hươu non, đại bàng

2. Con vật nào vừa gặp Chăn Dào đã có thái độ thân thiện như gặp người bạn cũ ?

- a – Chú voi
- b – Chú khỉ
- c – Chú hươu

3. Ở khổ thơ 2 và 3, những từ ngữ nào gọi tả bầy khỉ vàng và chú hươu non giống như trẻ em ?

- a – Chơi tay xin kẹo ; tung tăng, nhai như là nhai cỏ
- b – Chơi tay xin kẹo ; tung tăng những bàn chân nhỏ
- c – Láu lỉnh, chơi tay xin kẹo ; nhai như là nhai cỏ

(4). Bài thơ cho thấy những điểm gì đáng quý ở bạn Chăn Dào ?

- a – Luôn gần gũi với các loài vật và yêu quý môi trường
- b – Rất yêu thương loài vật và có ý thức bảo vệ môi trường
- c – Rất yêu thương các loài vật và thân thiện với môi trường

II – Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. Chép lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống :

a) *r* hoặc *d*, *gi*

–ống nhau / – kêuống lên /

– láụng / – tácụng /

b) *ui* hoặc *uôi*

c..... cùng / – c..... đầu /

c) *ăt* hoặc *ăc*

ng..... hoa / – đọc ng..... ngứ /

2. Điền từ chỉ đặc điểm thích hợp với mỗi con vật vào chỗ trống :

- | | |
|----------------------|----------------------|
| – Chú voi | – Chú báo đen |
| – Bầy khỉ vàng | – Chú hươu non |
| – Con đại bàng | – Con lợn lòi |

(Từ cần điền : *giận dữ, láu lỉnh, ngây thơ, thân thiện, dữ tợn, hùng dũng.*)

3. Đặt câu theo mẫu Ai thế nào ? để miêu tả :

a) Chú voi con

.....

b) Một em bé

.....

c) Một đêm trăng

.....

4. Dựa vào nội dung bài tập 4 – tuần 16, hãy viết một bức thư ngắn (khoảng 8 câu) cho bạn, kể về một vài nét đẹp mà em thấy ở nông thôn hoặc thành thị. (Chú ý viết đúng thể thức của một bức thư đã học ở tuần 10, tuần 13).

.....

.....

.....

.....

.....

Tuần 18 – Ôn tập cuối học kì I

A – Kiểm tra Đọc

I – Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây trong bài Tập đọc đã học (SGK Tiếng Việt 3, tập một) và trả lời câu hỏi (TLCH) ; sau đó tự đánh giá, cho điểm theo hướng dẫn ở Phần hai (Giải đáp – Gợi ý).

- (1) **Đất quý, đất yêu** (từ Đất Ê-ti-ô-pi-a là cha đến dù chỉ là một hạt cát nhỏ.)

TLCH : Vì sao người Ê-ti-ô-pi-a không để khách mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ ?

- (2) **Nắng phương Nam** (từ Phương tím tím cười đến rung rinh dưới nắng.)

TLCH : Vì sao các bạn chọn cành mai làm quà Tết cho Vân ?

- (3) **Người con của Tây Nguyên** (từ Núp mở những thứ Đại hội tặng đến coi mãi đến nửa đêm. – Đoạn 3)

TLCH : Khi xem những thứ Đại hội tặng, thái độ của lũ làng ra sao ?

(4) *Người liên lạc nhỏ* (từ Đến quăng suối đến ngồi nghỉ chốc lát. – Đoạn 2)

TLCH : Khi gặp Tây đồn đem lính đi tuần, thái độ của Kim Đồng thế nào ?

(5) *Nhà rông ở Tây Nguyên* (từ Gian đầu nhà rông đến chiêm trống dùng khi cúng tế.)

TLCH : Gian đầu của nhà rông được bài trí như thế nào ?

II – Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Bác rất thương loài vật

Lúc ở chiến khu, Bác Hồ nuôi một con chó, một con mèo và một con khỉ. Thông thường thì ba loài đó vốn chẳng ưa nhau. Không biết Bác dạy thế nào mà chúng lại quấn quýt nhau, không hề trêu chọc hay cắn nhau bao giờ.

Mỗi lần chuyển nhà đến nơi ở mới, bao giờ con khỉ cũng nhảy phóc lên ngồi trên lưng con chó. Hễ chó đi chậm, khỉ cấu hai tai chó giật giật. Chó chạy sai thì khỉ gò lưng như người phi ngựa. Chó chạy thông thả, khỉ buông thõng hai tay, ngồi ngúc nga ngúc ngắc. Ai trông thấy cũng phải cười. Con mèo đen có đốm trắng thì ngoao ngoao lững thững chạy theo.

Riêng con khỉ thì rất nghịch nên các anh bảo vệ thường phải cột dây. Khi Bác ăn cơm, Bác mở dây và cho nó ăn. Bữa nọ, Bác vừa quay lưng ngó ra sân, nó bèn bốc trộm cơm của Bác và ngồi yên, giấu nắm cơm trong tay, vờ như không có chuyện gì xảy ra. Tôi nhìn thấy vội kêu lên : “Sao mày bốc cơm của Bác ?”. Con khỉ vội lom khom chạy đi, vừa chạy vừa quay lại nhìn như sợ Bác giận. Bác chỉ mỉm cười, nụ cười rất hiền lành.

(Theo Diệp Minh Châu)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. *Các con vật được Bác nuôi có quan hệ với nhau như thế nào ?*

- a – Không ưa nhau
- b – Rất ghét nhau
- c – Quấn quýt nhau

2. Chi tiết nào cho thấy con khỉ rất nghịch ?

- a – Hễ con chó đi chậm, nó cấu vào hai tai chó giật giật.
- b – Bác vừa quay lưng, nó bèn bốc cơm của Bác, giấu đi.
- c – Nó vừa chạy vừa quay lại nhìn Bác như sợ Bác giận.

3. Chi tiết nào thể hiện rõ nhất tấm lòng rộng lượng của Bác ?

- a – Bác dạy cho các con vật biết gắn bó với nhau.
- b – Bác mở dây cho con khỉ mỗi khi cho nó ăn cơm.
- c – Khi biết con khỉ bốc trộm cơm, Bác chỉ mỉm cười.

4. Dòng nào dưới đây có các từ in nghiêng là từ chỉ đặc điểm của các con vật trong bài ?

- a – Con chó *nhanh nhẹn* ; con mèo *chậm chạp* ; con khỉ *nghịch ngợm*.
- b – Con chó *chạy* trước ; con mèo *đi* sau ; con khỉ *ngồi* trên lưng con chó.
- c – Con chó *nhanh nhẹn* ; con mèo *ngoao ngoao* ; con khỉ *nghịch ngợm*.

B – Kiểm tra Viết

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

Cây trái trong vườn Bác

Vườn cây ôm tròn gần nửa vòng cung quanh ao cá cú nở đầy nổi thương nhớ không nguôi. Vị khế ngọt Ba Đình. Hồng xiêm Xuân Đình cát mịn. Bưởi đỏ Mê Linh... Hồng Liên Thôn ! Hàng trăm quả trĩu trĩu trên cành như hàng trăm chiếc đèn lồng phấp phồng thở lửa giữa sương giá, ơi cái màu hồng thắm thiết và vốn vĩa.

(Theo Võ Văn Trực)

II – Tập làm văn (5 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8 câu) kể về quê hương em hoặc nơi em đang ở theo gợi ý sau :

a) *Quê em ở đâu ?*

b) *Em yêu nhất cảnh vật gì ở quê hương ?*

c) *Cảnh vật đó có gì đáng nhớ ?*

d) *Tình cảm của em với quê hương như thế nào ?*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phần hai

GIẢI ĐÁP – GỢI Ý

TUẦN 1

I – 1. c 2. b 3. c (4). a

II – 1.

a) Anh ta leo lên lưng chim. Chim đập cánh ba lần mới lên nổi.

b) Trời nắng chang chang. Tiếng tu hú gần xa ran ran.

2. Từ ngữ chỉ sự vật :

a) bàn tay, em, hoa, cành, hoa hồng, nụ, cánh, ngón

b) em, bút vẽ, tay, đất, cao lanh, (sắc) hoa, (con) cò, (lũy) tre, xóm, (cây) đa, đồng (Chú ý : Có thể chấp nhận học sinh gạch dưới cả chữ ghi trong ngoặc.)

3. Các sự vật được so sánh :

a) cây gạo (sừng sững) – tháp đèn (khổng lồ)

b) cây rau khúc (rất nhỏ) – (một) mầm cỏ non (mới nhú)

(Chú ý : Có thể chấp nhận học sinh gạch dưới cả chữ ghi trong ngoặc.)

4. Tự điền đúng nội dung vào Đơn xin cấp thẻ đọc sách ; chú ý trình bày sạch sẽ, chữ viết đúng mẫu, viết hoa đúng quy định.

TUẦN 2

I – 1. b 2. a 3. b (4). c

II – 1.

a) – Em bé có cái mũi héch. – Căn nhà trống huếch.

b) – Đường đi khúc khuỷu, gồ ghề. – Cái áo có hàng khuy rất đẹp.

2. Gạch dưới các từ ngữ : (ngoan ngoãn), xinh xinh, cố gắng, học, hành (hoặc Thi đua học và hành), làm việc nhỏ (hoặc Tuổi nhỏ làm việc nhỏ), tham gia kháng chiến, gìn giữ hoà bình.

3. Xác định các bộ phận của câu và ghi vào trong bảng :

<i>Ai (cái gì, con gì) ?</i>	<i>là gì ?</i>
a) Bạn Thanh Mai	là một học sinh xuất sắc của lớp 3A.
b) Chiếc cặp sách	là đồ vật vô cùng thân thiết của em.
c) Con trâu	là người bạn quý của người nông dân.

4. Tham khảo *Đơn xin vào Đội* (SGK Tiếng Việt 3, tập một, trang 9), tự điền vào chỗ trống những thông tin cá nhân và nội dung phù hợp để hoàn thành *Đơn xin vào Đội* TNTTP Hồ Chí Minh.

TUẦN 3

I – 1. c 2. b 3. c (4). a

II – 1.

- a) che **chở** – cách **trở** – **trở** trụi – **chơ** vợ
b) dao **sắc** – dấu **ngoặc** kép – lạ **hoắc** – mùi **hăng** **hắc**.

2.

- | | |
|--|---|
| a) <u>Mặt trời nằm đáy vó</u>
<u>Như một chiếc đĩa nhôm</u>
Nhắc vó : mặt trời lợt
Đáy vó : toàn những tôm. | b) <u>Nắng vườn trưa mênh mông</u>
<u>Bướm bay như lời hát</u>
<u>Con tàu là đất nước</u>
Đưa ta tới bến xa... |
|--|---|

- c) Thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn. Sóng đập vào vòi mũi thùm thùm, chiếc thuyền tựa hồ như một tay võ sĩ can trường giơ ức ra chịu đấm, vẫn lao mình tới.

3. Đêm mùa đông, trời mưa phùn. Gió lạnh thổi ào ào ngoài cửa sổ. Nằm trong nhà, Hồng lắng nghe tiếng mưa rơi. Em chỉ thương đàn gà phải co ro trong giá rét mùa đông.

4. (Tham khảo)

Gia đình em có năm người : bà nội, bố, mẹ, em và bé Thuý Anh. Bà nội của em năm nay đã ngoài tám mươi tuổi. Bố mẹ em đều là nhân viên ở Cửa hàng rau sạch Hoàng Mai. Bé Thuý Anh của em còn nhỏ, đang học ở Trường Mầm non Sao Sáng. Em rất yêu quý bà nội, yêu thương bố mẹ và em gái. Em sẽ cố gắng học giỏi, chăm ngoan để hôm nào cả nhà cũng vui.





2. VD : cô giáo, thầy giáo, bạn trai, bạn gái, bàn ghế, bảng đen, phấn trắng, bút mực, sách vở,...
3. a) Bạn Ngọc, bạn Thuý và bạn Lan đều là học sinh giỏi toàn diện.
b) Cả hai chị em trong nhà đều là vận động viên tài năng, đầy triển vọng.
c) Kỷ niệm buổi đầu đi học là kỷ niệm đẹp đẽ, trong sáng và đáng nhớ suốt đời.
4. (Tham khảo)
 - a) *Em đến trường đi học lần đầu vào một buổi sáng mùa thu mát mẻ.*
 - b) *Hôm ấy, mẹ giúp em mặc bộ quần áo mới và đưa em đi rất sớm.*
 - c) *Trên đường tới trường, em nhìn thấy cảnh mọi người đi lại tấp nập, nhiều bạn cũng đang được bố mẹ đưa tới lớp.*
 - d) *Buổi đầu đi học, nhìn các anh chị lớn tuổi chơi đùa và các bạn nhỏ chưa quen biết, em cảm thấy thật lạ lùng, bối ngỡ.*
 - e) *Lúc đó, em mong muốn được quen biết mọi người và được đùa vui thoải thích cùng các bạn.*

TUẦN 7

I – 1. b 2. c 3. b (4). a

- II – 1. a) Từ trong gậm tử, mấy chú chuột nhắt vừa chạy vừa kêu chít chít.
b) Từng đàn chim hải âu bay liệng trên mặt biển, tiếng kêu xao xác.
2. a) Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.
- b) Chiếc thuyền tựa hồ một tay võ sĩ can trường giơ ức ra chịu đấm, vẫn lao mình tới.
- c) Dãy núi đá vôi kia ngời suy tư trầm mặc như một cụ già mãn chiều xế bóng.
- * *Kiểu so sánh trong các câu thơ, câu văn trên là : so sánh sự vật với con người.*

3. Từ chỉ hoạt động, trạng thái :

Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bối ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim non nhìn quăng trời rộng muốn

bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thậm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

4. (Tham khảo)

Trong tiết Tập làm văn, cô giáo lớp tôi đã kể câu chuyện vui có tên là **Không nỡ nhìn**. Nội dung câu chuyện như sau :

Hôm ấy, trên một chuyến xe buýt đông người, có anh thanh niên đang ngồi trên ghế cứ lấy hai tay che kín mặt. Thấy vậy, một bà cụ ngồi bên cạnh bèn hỏi : “Cháu nhứt đầu à ? Có cần lấy dầu để xoa cho đỡ không ?”. Anh thanh niên liền nói nhỏ với cụ : “Không phải đâu ạ. Cháu chỉ không nỡ nhìn các cụ già và phụ nữ phải đứng trên xe đó thôi !”.

Thật buồn cười, anh thanh niên ngồi trên ghế đã không lịch sự nhường chỗ cho cụ già và phụ nữ đi xe, lại còn nói là “không nỡ nhìn” !

TUẦN 8

I – 1. c 2. a 3. b (4). b

II – 1. a) – thông dong – rong ruổi, rông rã – dòng kẻ, giống trống – riết róng,
b) nguồn gốc – hát tuồng, buôn làng – buồng màn

2. – Dân ta nhớ một chữ **đồng**
Đồng **tình**, đồng **sức**, đồng **lòng**, đồng **minh**.
– Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong **một nước** phải **thương** nhau cùng.

3. a) Đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ trên bờ đê.
b) Mấy anh thanh niên mải mê trả lúa trên nương.
c) Trên cao, chị mây trắng giơ lưng che nắng cho mẹ em gặt lúa.

4. (Tham khảo)

Bé Hiền con của cô Thoa ở cạnh nhà em năm nay vừa tròn 5 tuổi. Hiền có đôi má bụ bẫm, đôi mắt đen láy và nụ cười tươi như hoa. Bé Hiền đã đi mẫu giáo và được cô giáo dạy múa, dạy hát. Mỗi khi gặp bé Hiền, em lại bảo bé hát múa cho mọi người cùng xem. Em yêu quý bé Hiền và bé Hiền cũng rất thích chơi với em.

TUẦN 9 – Ôn tập giữa học kì I

A – Đọc (10 điểm)

I – Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc từng đoạn trích (khoảng 60 chữ) và trả lời câu hỏi (TLCH), sau đó tự đánh giá theo biểu điểm dưới đây :

– Đọc đúng tiếng, đúng từ : *3 điểm.*

(Đọc sai dưới 3 tiếng : 2, 5 điểm ; đọc sai 3 hoặc 4 tiếng : 2 điểm ; đọc sai 5 hoặc 6 tiếng : 1,5 điểm ; đọc sai 7 hoặc 8 tiếng : 1 điểm ; đọc sai 9 hoặc 10 tiếng : 0,5 điểm ; đọc sai trên 10 tiếng : 0 điểm.)

– Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu hoặc cụm từ rõ nghĩa (có thể mắc lỗi về ngắt nghỉ hơi ở 1 hoặc 2 chỗ) : *1 điểm.*

(Không ngắt nghỉ hơi đúng ở 3 đến 4 dấu câu : 0,5 điểm ; không ngắt nghỉ hơi đúng ở 5 dấu câu trở lên : 0 điểm.)

– Tốc độ đọc đoạn trích đạt yêu cầu (không quá 1 phút) : *1 điểm.*

(Đọc quá 1 phút đến 2 phút : 0,5 điểm ; đọc quá 2 phút, phải đánh vần nhẩm : 0 điểm.)

– Trả lời đúng ý câu hỏi : *1 điểm.*

VD :

- (1) *Khi nhà vua cho người đem đến một con chim sẻ nhỏ bảo cậu bé làm ba mâm cỗ, cậu đã ứng xử thế nào ?* (Khi nhà vua cho người đem đến một con chim sẻ nhỏ bảo cậu bé làm ba mâm cỗ, cậu đã đưa cho sứ giả chiếc kim và yêu cầu rèn thành một con dao thật sắc để xẻ thịt chim.)
- (2) *Bé đóng vai cô giáo dạy các em như thế nào ?* (Bé đóng vai cô giáo dạy các em bằng cách dùng nhánh trâm bầu làm thước, nhịp nhịp trên tấm bảng, đánh vần từng tiếng cho đàn em đánh vần theo.)
- (3) *Lan ân hận và muốn làm gì ?* (Lan ân hận, muốn ngồi dậy xin lỗi mẹ và anh, mong trời mau sáng để nói với mẹ không mua áo len nữa, để tiền mua áo ấm cho cả hai anh em.)
- (4) *Khi được ông ngoại dẫn đến thăm trường, điều gì đã làm cho tác giả xúc động ?* (Khi được ông ngoại dẫn đến thăm trường, điều làm cho

tác giả xúc động là ông ngoại đã nhắc cháu lên cho gõ thử vào trống trường để vang lên âm thanh trong trẻo.)

- (5) *Vì sao Cô-li-a thấy khó viết bài tập làm văn ?* (Cô-li-a thấy khó viết bài tập làm văn vì ở nhà mẹ thường làm mọi việc, khó tìm ra được việc nào để kể trong bài văn.)

II – Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

1. b 2. a 3. c 4. b (Đúng mỗi câu được 1 điểm.)

B – Viết (10 điểm)

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

HS nhờ người khác đọc để nghe – viết bài chính tả (gồm cả đầu bài và tên tác giả) trong khoảng 15 phút, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm dưới đây :

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng bài thơ : 5 điểm. Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh ; không viết hoa đúng quy định) : trừ 0,5 điểm.

Lưu ý : Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,... bị trừ 1 điểm toàn bài.

II – Tập làm văn (5 điểm)

Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 7 câu) kể lại buổi đầu em đi học, theo gợi ý cho trước (thời gian làm bài khoảng 25 phút) ; nội dung đúng yêu cầu đề bài, trình bày sạch sẽ, diễn đạt rõ ý : 5 điểm.

VD : *Nhớ lại buổi đầu tiên đi học, lòng em lại bồi hồi, náo nức. Buổi sáng hôm ấy, mẹ em bận đi công tác nên bố đưa em tới trường. Tới cửa trường, bố dừng lại mua cho em một quả bóng bay và lá cờ đỏ sao vàng trông rất đẹp. Bố đưa em vào tận sân trường, đến chỗ cô giáo đang tập trung các bạn học sinh lớp 1. Lúc đầu em còn bỡ ngỡ nhưng khi nhìn thấy mấy bạn cùng phố đã quen biết, em mừng quá chạy lại chuyện trò tíu tít. Buổi lễ khai giảng năm học mới hôm ấy thật vui vẻ. Những quả bóng xanh đỏ thi nhau bay vút lên trời cao như mang theo cả niềm vui buổi đầu đi học của chúng em.*

TUẦN 10

I – 1. c 2. b 3. c (4). a

II – 1. a) – Ngoài cửa, cơn gió xoáy làm cây cối trong vườn nghiêng ngã.

– Chú chim nhỏ loay hoay tìm bắt lũ sâu đục khoét thân cây.

b) Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.

2. a) Tiếng ve râm ran như tiếng nhạc chiều êm ả.

b) Tiếng sóng ì oạp vỗ vào bờ cát như tiếng ru dịu dàng của mẹ.

c) Tiếng khèn đều đặn tựa tiếng gió reo vi vút trong rừng bương.

3. Cháu rất nhớ khu vườn của bà. Khu vườn ấy có cây ổi đào mà cháu rất thích. Hè này về thăm bà, chắc cháu lại được ăn ổi. Trái ổi thơm ngon như tấm lòng yêu thương của bà dành cho cháu.

4. (Tham khảo)

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2012

Cô Hằng kính mến !

Nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, em viết thư thăm cô để bày tỏ lòng biết ơn của em đối với cô. Em rất vui khi được báo cáo với cô : kết quả học tập ba tháng vừa qua của em rất tốt, em được cô Hiệu trưởng khen ngợi trước toàn trường. Em thầm nghĩ : có được kết quả ấy là nhờ cô đã dạy dỗ em tận tình từ năm lớp 1. Em xin hứa sẽ cố gắng phát huy kết quả tốt trong học tập và rèn luyện để cô vui lòng. Chúc cô luôn mạnh khỏe, có thêm nhiều niềm vui mới nhân Ngày 20 – 11 năm nay.

Trò ngoan của cô

Triệu Duy

Triệu Đỗ Duy

TUẦN 11

I – 1. b 2. a 3. c (4). b

II – 1. a) cây song – xong việc, ngôi sao – lao xao

b) con lươn – lương thực, bay lượn – khối lượng

2. Từ ngữ có thể thay thế cho từ **quê** : quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, nơi chôn rau cắt rốn, cố hương,...

3. VD :

- Cô giáo hướng dẫn chúng em học theo nhóm. (hoặc : *Thầy giáo dạy chúng em tập bơi.*)
- Các bạn học sinh chăm sóc vườn hoa trong trường.
- Đàn cò trắng bay dập dờn trên cánh đồng lúa xanh.

4. (Tham khảo)

Đầm sen giữa làng là cảnh vật mà em yêu thích nhất. Vui biết bao khi mùa hè đến, những đoá hoa sen trong đầm lại thấp lên những ngọn lửa hồng tươi. Gió lay động những tàu lá sen xanh, đưa hương sen thoang thoảng thơm đâu đây. Mỗi khi có dịp đi qua đầm sen, em lại dừng chân ngắm nhìn. Ôi, cảnh đầm sen quê em thật giản dị mà đẹp để biết bao !

TUẦN 12

I – 1. c 2. b 3. c (4). b

II – 1. a) chóng chán – vầng trán, phải chăng – ánh trăng

b) ngạc nhiên – ngạt thở, bát ngát – ngơ ngác

2. a) Con thuyền chồm lên hụp xuống như nô giỡn.

b) Những chú ngựa phì nhanh trên đường đua tựa như tên bắn.

c) Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại rơi mà như nhảy nhót.

3. VD :

- Bạn Minh bơi nhanh nhất lớp em.
- Em thích bơi lội trên dòng sông quê hương.

4. (Tham khảo)

Bức ảnh chụp cảnh hồ Xuân Hương ở Đà Lạt rất đẹp. Bao trùm lên toàn cảnh là màu xanh của rừng cây, thảm cỏ, hồ nước với những sắc độ khác nhau. Mặt hồ lấp loá nắng, trông như một tấm gương lớn. Những vườn cây ven hồ xanh um, thấp thoáng bóng người đi dạo. Vẻ đẹp của hồ

Xuân Hương thật hấp dẫn đối với khách du lịch trong nước và thế giới. Em mong có ngày được đi nghỉ mát ở Đà Lạt để được tận mắt ngắm nhìn cảnh đẹp trong ảnh.

TUẦN 13

I – 1. b 2. c 3. c (4). a

II – 1. a) Sóng biển **dữ dội** xô vào bãi cát, **gió** biển ào ào xé nát **rặng** phi lao.

b) Quê hương **mỗi** người chỉ một
Như là **chỉ** một mẹ thôi

2.

<i>Từ ngữ dùng ở miền Bắc</i>	<i>Từ ngữ dùng ở miền Nam</i>
<i>quả bóng</i>	trái banh
con lợn	<i>con heo</i>
<i>cá quả</i>	cá lóc
quả trứng vịt	<i>hột vịt</i>
<i>cốc nước</i>	li nước
hoa sen	<i>bông sen</i>

3. Hùng cầm cục than đen vẽ lên bức tường trắng một con ngựa đang phi. Thấy bác Thành đi qua, Hùng gọi :

– Bác Thành ơi, bác xem con ngựa cháu vẽ có đẹp không ?

Bác Thành nhìn bức vẽ, nói :

– Cháu vẽ đẹp đấy, nhưng còn có cái không đẹp !

Hùng vội hỏi :

– Cái nào không đẹp hở bác ?

Bác Thành nghiêm nét mặt :

– Cái không đẹp là bức tường mới của trường bị xấu đi rồi đấy, cháu ạ !

Hùng ngượng ngịu cúi đầu im lặng.

4. (Tham khảo)

Hà Nội, ngày 5 tháng 1 năm 2012

Bạn Vọng Hà thân mến !

Được biết câu chuyện vượt khó để học giỏi của bạn qua Đài truyền hình Việt Nam, tôi viết thư này để được làm quen với bạn và hẹn bạn cùng thi đua học tốt.

Tôi tên là Đàm Thị Thanh Lương, học lớp 3B Trường Tiểu học Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội. Từ đầu năm học đến giờ, tôi luôn cố gắng vươn lên trong học tập và được tám điểm 10 rồi đấy. Còn bạn, vừa qua bạn đã thêm được mấy điểm 10 nữa rồi ? Đó là những điểm 10 ở môn Toán hay môn Tiếng Việt ? Tôi muốn cùng bạn thi đua học tốt để đạt kết quả xuất sắc ở tất cả các môn học. Chúng ta sẽ viết thư cho nhau để cùng báo tin vui trong học tập nhé ! Tôi rất mong nhận được thư của bạn.

Bạn của Hà

Đàm Thị Thanh Lương

Đàm Thị Thanh Lương

TUẦN 14

I – 1. c 2. b 3. a (4). c

II – 1. a) lên lớp – nên người, non nước – chạy lon ton

b) dạy học – thức dậy, mây trắng – may áo

c) con sâu – trước sau, câu văn – cây cau

2. a) Bé cháu ông thủ thỉ :

– Cháu khỏe hơn ông nhiều !

b) Ông trăng tròn sáng tỏ

Soi rõ sân nhà em

Trăng khuya sáng hơn đèn

Ơi ông trăng sáng tỏ.

- c) Quyển vở này mở ra
 Bao nhiêu trang giấy trắng
 Từng dòng kẻ ngay ngắn
 Như chúng em xếp hàng.
- d) Những lá sưa mỏng tang và xanh ròn như một thứ lụa xanh màu ngọc thạch với những chùm hoa nhỏ li ti và trắng như những hạt mưa bay. Những chiếc lá ngoã non to như cái quạt lọc ánh sáng xanh mờ mờ.
3. a) Những cánh rừng Việt Bắc xanh ngút ngàn từ bao đời nay.
 b) Ngọn núi đá cao chót vót như chạm tới mây trời.
 c) Đồng bào các dân tộc thiểu số trọn đời thủy chung với cách mạng.

4. (Tham khảo)

Tổ em gồm các bạn Hoài Thuỷ, Ngọc Lan, Thu Phương, Thanh Mai, Quốc Bình, Thế Hưng, Anh Quân và em.

Trong tháng thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, tổ em đã tham gia tổng vệ sinh sân trường, chăm sóc những cây non mới trồng để sân trường mau có bóng mát cho học sinh vui chơi. Về học tập, các bạn trong tổ đều hăng hái phát biểu ý kiến, tích cực xây dựng bài. Cả tổ đoàn kết, thân ái trong mọi hoạt động do nhà trường tổ chức. Đôi bạn Hoài Thuỷ – Thanh Mai giúp đỡ nhau học tập ngày càng tiến bộ, được tuyên dương trước toàn trường. Chúng em sẽ phấn đấu đạt kết quả tốt nhất trong năm học để thầy cô và cha mẹ vui lòng.

TUẦN 15

I – 1. a 2. c 3. c (4). b

II – 1. a) xôn xao – lao xao, thổi sáo – xáo trộn

b) xui khiến – xuôi dòng

c) bậc thang – bậc lửa

2.

đàn ghi ta

đàn tơ-rưng

chiêng

kèn đồng

kèn lá

đàn oóc-gan

trống cơm

đàn tính

đàn bầu

khèn

đàn đá

pi-a-nô

3. a) Trăng tròn như *cái đĩa*
 Lơ lửng mà không rơi
 Những hôm nào trăng khuyết
 Trông giống *con thuyền* trôi
- b) Miệng cười như thể *hoa ngâu*
 Cái nón đội đầu như thể *hoa sen*.

4. (Tham khảo)

Trong tháng thi đua chào mừng Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22 – 12, tổ em đã làm được một số việc đạt kết quả tốt. Trong giờ học, các bạn thường nhắc nhở nhau giữ gìn trật tự để nghe cô giáo giảng bài. Bạn Thuỷ và bạn Lan đã giúp bạn Mai học yếu môn Toán vươn lên đạt được ba điểm 10 trong tháng vừa qua. Các bạn còn thường xuyên chăm sóc cây phượng nhỏ ở sân trường nên vừa qua cây đã nảy thêm được ba nhánh mới. Chủ nhật tuần trước, cả tổ cùng đến thăm và giúp mẹ liệt sĩ Vũ Thanh Hương dọn dẹp nhà cửa cho sạch sẽ, ngăn nắp. Tháng tới, tổ chúng em quyết tâm làm thêm được nhiều việc tốt hơn nữa.

TUẦN 16

I – 1. b 2. a 3. a (4). c

II – 1. a) bánh chưng – sáng trưng, sáng chói – trối tay

b) thi đỗ – thác đổ, đổ rác – đổ đen

2.

<i>Sự vật, công việc thường thấy ở thành phố</i>	<i>Sự vật, công việc thường thấy ở nông thôn</i>
đèn cao áp, rạp chiếu bóng, bến xe buýt, chế tạo máy móc, bể bơi, trình diễn thời trang	cánh đồng, hồ sen, máy cày, máy gặt, xay thóc, giã gạo

3. a) Những đêm trăng sáng, dòng sông lung linh như dát vàng.
 b) Xa xa, ruộng lúa cấy sớm đã ngả màu vàng óng, thoang thoang hương thơm.
 c) Ô tô, xe máy, xe đạp cứ nối đuôi nhau chạy ùn ùn về trung tâm thành phố.

4. (Tham khảo)

- (1) *Mùa hè năm ngoái, bố mẹ cho em về thăm quê ngoại ở Kim Động, Hưng Yên. Lần đầu tiên em được nhìn thấy vẻ đẹp của cánh đồng lúa rộng mênh mông với đàn cò trắng bay dập dờn trên cao. Bên đường, đàn trâu đang ung dung gặm cỏ. Những bạn nhỏ chăn trâu nhìn em mỉm cười thân thiện. Em thích nhất lần thả diều cùng anh Bằng trên bờ đê quê ngoại. Cánh diều bay cao trên bầu trời xanh như mang cả niềm vui tuổi thơ của chúng em.*
- (2) *Ngày Quốc khánh 2 – 9 vừa qua, bố mẹ cho em ra thăm bác Nguyễn ở Hà Nội. Đường phố ở Thủ đô luôn tấp nập xe cộ. Những toà nhà to cao như chạm tới trời xanh, người người vào ra tấp nập. Khi bố em dừng lại để hỏi đường, ai cũng trả lời rất nhẹ nhàng, lịch sự. Buổi tối hôm ấy thật thú vị vì bố cho em đi xem bắn pháo hoa bên Hồ Gươm. Được thấy những bông hoa lớn sáng rực trên bầu trời đêm, em càng yêu vẻ đẹp của Thủ đô Hà Nội.*

TUẦN 17

I – 1. c 2. a 3. b (4). b

II – 1. a) giống nhau – kêu rống lên, lá rụng – tác dụng

b) cuối cùng – cúi đầu

c) ngắt hoa – đọc ngác ngứ

2. – Chú voi *thân thiện*

– Chú báo đen *giận dữ*

– Bầy khỉ vàng *láu lỉnh*

– Chú hươu non *ngây thơ*

– Con đại bàng *hùng dũng*

– Con lợn lòi *dữ tợn*

3. VD : a) Chú voi con rất hiền lành và thân thiện.

b) Bé Ngân Giang ngoan ngoãn và lễ phép với mọi người.

c) Trăng toả ánh vàng lấp lánh trên mặt sông.

4. Dựa vào nội dung bài tập 4 – tuần 16 (kể về một vài nét đẹp mà em thấy ở nông thôn hoặc thành thị), em tự viết cho bạn theo thể thức một bức thư đã học :

- Dòng đầu thư : *Nơi gửi, ngày ... tháng ... năm ...*
- Lời xưng hô với người nhận thư (bạn của em)
- Nội dung thư : Thăm hỏi, kể về một vài nét đẹp mà em thấy ở nông thôn hoặc thành thị ; lời chúc và hứa hẹn...
- Cuối thư : Lời chào, chữ kí và tên

TUẦN 18 – Ôn tập cuối học kì I

A – Đọc (10 điểm)

I – Đọc thành tiếng (6 điểm)

Đọc từng đoạn trích và TLCH, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm tương tự đã nêu ở Tuần 9.

Gợi ý trả lời câu hỏi (1 điểm) :

- (1) *Vì sao người Ê-ti-ô-pi-a không để khách mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ ?* (Người Ê-ti-ô-pi-a không để khách mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ vì họ coi đất của quê hương họ là thứ thiêng liêng, cao quý nhất.)
- (2) *Vì sao các bạn chọn cành mai làm quà Tết cho Vân ?* (Các bạn chọn cành mai làm quà Tết cho Vân vì các bạn nghĩ rằng cành mai sẽ chở nắng phương Nam đến cho Vân trong những ngày đông rét buốt. / ... vì cành mai không có ở ngoài Bắc nên rất quý... / vì cành mai sẽ gợi cho Vân nhớ những kỉ niệm của bạn bè ở đất phương Nam...)
- (3) *Khi xem những thứ Đại hội tặng, thái độ của lũ làng ra sao ?* (Khi xem những thứ Đại hội tặng, thái độ của lũ làng rất trân trọng, ngưỡng mộ, coi đi coi lại mãi không chán.)
- (4) *Khi gặp Tây đồn đem lính đi tuần, thái độ của Kim Đồng thế nào ?* (Khi gặp Tây đồn đem lính đi tuần, thái độ của Kim Đồng rất bình tĩnh, nhanh trí : huýt sáo báo hiệu cho ông ké biết để ngồi nghỉ bên đường...)

(5) *Gian đầu của nhà rông được bài trí như thế nào ?* (Gian đầu của nhà rông là nơi thờ thần làng nên được bài trí rất trang nghiêm : giỏ mây đựng đá thần treo trên vách, xung quanh có những cành hoa đan bằng tre, vũ khí, công cụ, chiêng trống dùng khi cúng tế.)

II – Đọc thầm và làm bài tập (4 điểm)

Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng cho mỗi câu hỏi :

1. c 2. b 3. c 4. a (Đúng mỗi câu được 1 điểm.)

B – Viết (10 điểm)

I – Chính tả nghe – viết (5 điểm)

HS nhờ người khác đọc để nghe – viết bài chính tả (gồm cả đầu bài và tên tác giả) trong khoảng 17 phút, sau đó tự đánh giá theo biểu điểm tương tự như đã nêu ở Tuần 9.

II – Tập làm văn (5 điểm)

Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 8 câu) kể về quê hương em hoặc nơi em đang ở, theo gợi ý cho trước (thời gian làm bài khoảng 25 phút) ; nội dung đúng yêu cầu đề bài, trình bày sạch sẽ, diễn đạt rõ ý : 5 điểm.

VD : *Quê em ở thành phố Hội An. Nơi đó có những khu phố cổ được hình thành từ bao đời nay. Em yêu nhất những ngôi nhà trên đường phố cổ. Có ngôi nhà được làm cách đây đã hơn một trăm năm. Mái nhà phủ đầy rêu xanh. Cột nhà bằng thân cây gỗ lim to đến nỗi hai, ba đứa chúng em cầm tay nhau ôm không xuể. Em yêu quý và tự hào về quê hương mình. Mai này dù đi xa, em sẽ luôn nhớ mãi hình ảnh thân thương của phố cổ Hội An.*

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Phần một. BÀI TẬP CUỐI TUẦN.....	5
TUẦN 1.....	5
TUẦN 2.....	8
TUẦN 3.....	12
TUẦN 4.....	15
TUẦN 5.....	18
TUẦN 6.....	21
TUẦN 7.....	24
TUẦN 8.....	27
TUẦN 9 – Ôn tập giữa học kì I.....	29
TUẦN 10.....	32
TUẦN 11.....	36
TUẦN 12.....	39
TUẦN 13.....	42
TUẦN 14.....	45
TUẦN 15.....	49
TUẦN 16.....	52
TUẦN 17.....	55
TUẦN 18 – Ôn tập cuối học kì I.....	58
Phần hai. GIẢI ĐÁP – GỢI Ý.....	62

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGƯT. NGÔ TRẦN ÁI
Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu và tái bản :

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO

Trình bày bìa :

ĐINH THUỖ LINH

Chế bản :

THÁI MỸ DUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 3 – Tập một

Mã số : T3E49a5–ĐTH

In 5.000 bản (QĐ02TK), khổ 17 x 24 cm.

In tại Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật - Hà Nội.

Số ĐKXB: 49-2015/CXBIPH/142-2000/GD.

Số QĐXB: 303/QĐ-GD ngày 23 tháng 1 năm 2015.

Số in: 07. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2015.